

 HALUMIE T.1	 WIDE SERIES T.2-5	 REFINA T.6	 GEN-X T.7	 FULL-COLOR T.8-9	 Ổ CẠM ÂM SÀN T.9
 CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ T.10	 CẦU ĐẠO TỰ ĐỘNG DIN T.11	 MCCB / ELB / HB T.12	 QUẠT HÚT T.13	 QUẠT ĐIỆN T.14	 MÁY SẤY TAY T.14
 QUẠT TRẦN T.15	 MÁY LỌC KHÔNG KHÍ T.16	 MÁY BƠM T.17	 MÁY NƯỚC NÓNG T.18	 BẾP ĐIỆN TỬ T.19	 ĐÈN BÀN LED T.20
 ĐÈN TRẦN LED T.21-24	 BÓNG LED T.22	 ĐÈN TRANG TRÍ / ĐÈN TƯỜNG T.25	 ĐÈN TREO BÀN ĂN T.25	 LED DOWNLIGHT T.26-29	 MĂNG ĐÈN BĂNG KEO ĐIỆN T.30
 TỦ ĐIỆN T.31	 PHỤ KIỆN T.31-32	 ỐNG THẮNG & ỐNG MỀM T.33	 PHỤ KIỆN T.33-34	 PCE T.35-36	 DÂY CÁP T.37



## Halumie

Vẻ Đẹp Từ Mọi Góc Nhìn



### • Showroom & Phòng Dự Án

TP. Hồ Chí Minh 10 Trương Định, Phường Bến Thành, Quận 1  
Ext: 0

TP. Hà Nội 83 Đường Láng, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa  
Ext: 1

### • Phòng bảo hành & Phòng kinh doanh

TP. Hồ Chí Minh Số 1A đường 26, KDC Bình Phú, Phường 10, Quận 6  
P.BH - Ext: 113 & P.KD - Ext: 108 - 109 - 110

TP. Hà Nội Lô CN 8 - Cụm Công Nghiệp Tập Trung Vừa  
Và Nhỏ Xã Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm  
P.BH- Ext: 239 & P.KD- Ext: 237 - 238

T.Long An Lô D05, KCN Đức Hoà 1-Hạnh Phúc,  
ấp 5, Xã Đức Hoà Đông, Huyện Đức Hoà, Long An  
P.KD - Ext: 101, 102, 103

TP. Bắc Ninh Số 23, Đường 3, KCN, Đô thị & Dịch vụ Vsp  
Bắc Ninh, Thị Xã Từ Sơn  
P.BH- Ext: 258 & P.KD- Ext: 255 - 256 - 257

TP. Cần Thơ 168A, Nguyễn Văn Cừ, Khu Vực 8,  
Phường An Bình, Quận Ninh Kiều.  
P.BH & P.KD - Ext: 191

TP. Hải Phòng Lô CN 3.2D, KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải 2,  
Quận Hải An  
P.BH- Ext: 221 & P.KD- Ext: 218 - 219 - 220

TP. Biên Hòa 154 Khu phố Bình Dương, Quốc Lộ 51,  
Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
P.BH - Ext: 185 & P.KD - Ext: 183 - 184

TP. Vinh Đường D2 - KCN Bắc Vinh, Xã Hưng Đông,  
Tp. Vinh - Nghệ An.  
P.BH & P.KD - Ext: 230 - 231

TP. Nha Trang Lô A CN 22-03 KCN Ninh Thủy, Phường Ninh Thủy,  
Thị Xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa  
P.BH & P.KD - Ext: 199 - 200

TP. Đà Nẵng Km800 Quốc lộ 1A, Thôn Đông Hòa,  
Xã Hòa Châu, Huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng.  
P.BH & P.KD - Ext: 208 - 209 - 210

## BẢNG GIÁ

Price list

# 10/2017

 **19006711**

Hotline: 0909 840 028

Email: [info@nanoco.com.vn](mailto:info@nanoco.com.vn)  
Website: [www.nanoco.com.vn](http://www.nanoco.com.vn)





## Halumie



**WEVH5531/ WEVH5531-7**  
[Cắm nhanh/ Bắt vít]  
Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ 250 VAC - 16A  
Switch B - 1 way  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**19.000**



**WEVH5521/ WEVH5521-7**  
[Cắm nhanh/ Bắt vít]  
Công tắc B, 1 chiều, loại trung 250 VAC - 16A  
Switch B - 1 way  
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng

**19.000**



**WEVH5511/ WEVH5511-7**  
[Cắm nhanh/ Bắt vít]  
Công tắc B, 1 chiều, loại lớn 250 VAC - 16A  
Switch B - 1 way  
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng

**19.000**



**WEVH5532/ WEVH5532-7**  
[Cắm nhanh/ Bắt vít]  
Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ 250 VAC - 16A  
Switch C - 2 ways  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**43.000**



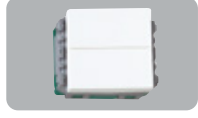
**WEVH5522/ WEVH5522-7**  
[Cắm nhanh/ Bắt vít]  
Công tắc C, 2 chiều, loại trung 250 VAC - 16A  
Switch C - 2 ways  
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng

**43.000**



**WEVH5512/ WEVH5512-7**  
[Cắm nhanh/ Bắt vít]  
Công tắc C, 2 chiều, loại lớn, 250 VAC - 16A  
Switch C - 2 ways  
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng

**43.000**



**WEVH5542-7** Dùng với mặt **WEVH68030**  
Công tắc C, 2 chiều, loại đôi, 250 VAC - 10A  
Twin Switch C - 2 ways  
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng

**130.000**



**WEVH5003**  
Công tắc D (2 tiếp điểm), 250 VAC - 16A  
Switch D (2 poles)  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**150.000**



**WEVH5004**  
Công tắc E, đảo chiều, 250 VAC - 16A  
Switch E (4 ways)  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**240.000**



**WEVH5033-7**  
Công tắc D có đèn báo (2 tiếp điểm), 250VAC - 20A  
Glow Switch (2 poles)  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**236.000**



**WEVH68010**  
Mặt dùng cho 1 thiết bị  
1 gang - 1 device plate  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

**16.700**



**WEVH68020**  
Mặt dùng cho 2 thiết bị  
1 gang - 2 devices plate  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

**16.700**



**WEVH68030**  
Mặt dùng cho 3 thiết bị  
1 gang - 3 devices plate  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

**16.700**



**WEVH680290**  
Mặt dùng riêng cho WEV1181SW/ WEV1191SW/ 2P MCB  
1-gang center 2 devices plate or for  
WEV1181SW/ WEV1191SW/ 2P MCB only  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

**16.700**



**WEVH68910**  
Mặt kín đơn  
Single cover plate  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

**16.700**



**WEVH8061**  
Mặt dùng cho HB  
1 gang plate for HB breaker  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

**16.700**



**WEVH68040**  
Mặt dùng cho 4 thiết bị  
2 gang - 4 devices plate  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

**31.000**



**WEVH68060**  
Mặt dùng cho 6 thiết bị  
2 gang - 6 devices plate  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

**31.000**



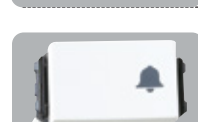
**WEVH5151 - 51/WEVH5151-7**  
[Cắm nhanh/ Bắt vít]  
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A  
Illuminated switch B  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**109.000**



**WEVH5152 - 51/WEVH5152-7**  
[Cắm nhanh/ Bắt vít]  
Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC-16A  
Illuminated switch C  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**128.000**



**WEVH5401-011**  
Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A  
Bell push button  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**65.000**

\*Giá các sản phẩm trong cuốn giá đã bao gồm VAT

FULL COLOR  
**WIDE**  
SERIES



**WEV5001SW/ WEV5001-7SW**  
(Cắm nhanh/ Bắt vít)  
Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A  
Switch B(1 - way)  
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

**17.000**



**WEV5002SW/ WEV5002-7SW**  
(Cắm nhanh/ Bắt vít)  
Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A  
Switch C(2 - way),  
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

**38.000**



**WEG5003KSW**  
Công tắc D (2 tiếp điểm), 250VAC - 16A  
Switch D (2 poles)  
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

**135.000**



**WEG5004KSW**  
Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A  
Switch E (4 ways)  
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

**215.000**



**WEG5151-51SWK/ WEG51517SW**  
(Cắm nhanh/ Bắt vít)  
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250 VAC - 16A  
Illuminated switch B  
Đóng gói 10 cái/ hộp 100 cái/ thùng

**99.000**



**WEG5152-51SWK/ WEG51527SW**  
(Cắm nhanh/ Bắt vít)  
Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250 VAC - 16A  
Illuminated switch C  
Đóng gói 10 cái/ hộp 100 cái/ thùng

**116.000**



**WEV5033-7SW/ WEV5033-7**  
Công tắc D có đèn báo (2 tiếp điểm), 250VAC - 20A  
Glow switch D (2 poles)  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**210.000**



**WEG5141SW**  
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 250 VAC - 6A  
Illuminated switch B  
Đóng gói 10 cái/ hộp 100 cái/ thùng

**265.000**



**WEG5401-011SW/ WEG5401-011**  
Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A  
Bell push button  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**60.000**



**WEV1081SW/ WEV1081-7SW**  
(Cắm nhanh/ Bắt vít)  
Ổ cắm đơn có màn che 250VAC - 16A  
Universal receptacle with safety Shutter  
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

**34.000**



**WEV1181SW/ WEV1181-7SW**  
(Cắm nhanh/ Bắt vít)  
Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất 250VAC - 16A  
Grounding universal receptacle with safety Shutter  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**59.000**



**WEV1582SW/ WEV1582-7SW**  
(Cắm nhanh/ Bắt vít)  
Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất 250VAC - 16A  
Grounding duplex universal receptacle with safety Shutter  
Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng

**86.000**



**WEV1091SW**  
Ổ cắm đơn không màn che, 250VAC - 16A  
Universal receptacle  
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

**25.000**



**WEV2501SW/ WEG2501SW**  
Ổ cắm anten Tivi, 75 Ohm  
Television terminal  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**74.000**



**WEV2364SW/ WEG2364SW**  
Ổ cắm điện thoại 4 cực  
Telephone modular jack 6P4C  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

**74.000**



**WEG2488SW/ WEV2488SW**  
**WEG24886SW/ WEV24886SW**  
Ổ cắm data CAT5/ Ổ cắm data CAT6  
Data modular CAT5/ Data modular CAT6  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**162.000**

**195.000**



**WEGP1041SW-1/ WEGP1041W-1**  
Bộ ổ cắm đa năng chuẩn A, 250V - 13A  
1 - gang multiple socket (A type plate)  
Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng

**240.000**



**WEG1001SW**  
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp), 250VAC - 16A  
Flat pin receptacle  
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

**27.000**



**WEG1090SW**  
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn), 250VAC - 16A  
round pin receptacle  
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

**27.000**

**USB Charger**



**WEF11721W8**  
Ổ cắm USB /USB Charger  
Input: AC220V / Output: 5V - 2A  
Hàng không có sẵn - Thời gian đặt hàng: 4 tháng

**790.000**



**WEG3020SW**  
Nút trống  
Blank chip  
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

9.500



**WEG3023SW**  
Lỗ ra dây điện thoại phi 9mm/16mm  
Telephone wire chip dia 9mm/16mm  
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

9.500



**WEV68010SW**  
Mặt dùng cho 1 thiết bị  
1 gang - 1 device plate  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

15.500



**WEV68020SW**  
Mặt dùng cho 2 thiết bị  
1 gang - 2 devices plate  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

15.500



**WEV68030SW**  
Mặt dùng cho 3 thiết bị  
1 gang - 3 devices plate  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

15.500



**WEV68910SW**  
Mặt kín đơn  
Single cover plate  
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

15.500



**WEV680290SW**  
Mặt niêng cho WEV1181SW/ WEV1191SW/ 2P MCB  
1-gang center 2 devices plate  
or for WEV1181SW/ WEV1191SW/ 2P MCB  
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

15.500



**WEV7061SW**  
Mặt dùng cho HB  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/thùng

15.500



**WEG575151SW**  
Bộ điều chỉnh độ sáng đèn, 220VAC - 500W  
Loại có chức năng bật tắt  
Dimmer for Incandescent lamp, Off function type  
Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng

290.000



**WEG57912SW**  
Bộ điều chỉnh sáng tối dùng cho đèn LED có chức năng điều chỉnh độ sáng (Max 8 đèn/ 200W)  
- Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 lamps/ 200W) 220V - 50Hz  
- Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng  
(Thời gian đặt hàng 4 tháng)

675.000



**WEG6804SW**  
Mặt dùng cho 4 thiết bị  
2 gangs - 4 devices plate  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

30.000



**WEG6806SW**  
Mặt dùng cho 6 thiết bị  
2 gangs - 6 devices plate  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

30.000



**WEG7901**  
Mặt 1 thiết bị - có nắp che mưa  
Weatherproof plate  
1 gang - 1 device IP55  
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng

210.000



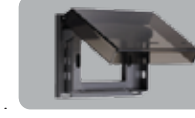
**WEG7902**  
Mặt 2 thiết bị - có nắp che mưa  
Weatherproof plate  
1 gang - 2 devices IP55  
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng

210.000



**WEG7903**  
Mặt 3 thiết bị - có nắp che mưa  
Weatherproof plate  
1 gang - 3 devices IP55  
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng

210.000



**WEG8981**  
Mặt có nắp che mưa  
Weatherproof plate - IP55  
Đóng gói 5 cái/ hộp, 20 cái/ thùng

199.000

## BS - TYPE



**WBC8981SW**  
Mặt che mưa chuẩn BS dùng cho công tắc,  
có nắp che mưa IP43  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

170.000



**WBC8991W**  
Mặt che mưa chuẩn BS dùng cho ổ cắm,  
có nắp che mưa IP43  
Đóng gói 5 cái/hộp, 100 cái/thùng

186.000



**WEB7811SW**  
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị  
BS type - 1 device plate  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

16.700



**WEB7812SW**  
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị  
BS type - 2 devices plate  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

16.700



**WEB7813SW**  
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị  
BS type - 3 devices plate  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

16.700



**WBC7010**  
Thiết bị chuyển tiếp 20A chuẩn BS, màu trắng  
Đóng gói 20 cái/hộp, 100 cái/thùng

130.000



**WBC7020**  
Thiết bị chuyển tiếp 45A chuẩn BS, màu trắng  
Đóng gói 20 cái/hộp, 100 cái/thùng

180.000



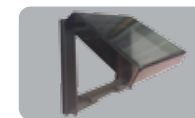
**WEB1111SWK**  
Bộ ổ cắm tiêu chuẩn BS, 250VAC - 13A  
Receptacle - BS standard  
Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng

105.000



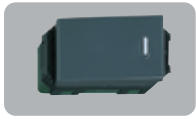
**WEBP1041SW-P**  
Bộ ổ cắm đa năng chuẩn BS, 250VAC - 13A  
1 gang multiple socket (BS type plate)  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 50 cái/ thùng

240.000



**WBG8981 - P**  
Mặt có nắp che mưa chuẩn BS  
Weatherproof plate (BS type plate), IP55  
Đóng gói 5 cái/hộp, 20 cái/thùng

180.000



**WEV5001H/ WEV5001-7H**  
(Cắm nhanh/ Bắt vít)  
Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A  
Switch B (1 - way)  
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

**31.000**



**WEV5002H/ WEV5002-7H**  
(Cắm nhanh/ Bắt vít)  
Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A  
Switch C (2 - ways)  
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

**54.000**



**WEG5003KH**  
Công tắc D (2 tiếp điểm), 250VAC - 16A  
Switch D (2 poles)  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**190.000**



**WEG5004KH**  
Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A  
Switch E (4 ways)  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**290.000**



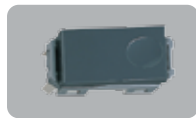
**WEG5151-51KH/ WEG51517H**  
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A  
Illuminated switch B  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**125.000**



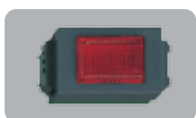
**WEG5152-51KH**  
Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A  
Illuminated switch C  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**155.000**



**WEG5401-7H**  
Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A  
Bell push button  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**92.000**



**WEG3032RH**  
Đèn báo màu đỏ, 220VAC  
Pilot lamp red  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**125.000**



**WEG575151H**  
Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn,  
loại có chức năng bật tắt, 220VAC - 500W  
Dimmer for incandescent lamp, Off function type  
Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng

**520.000**



**WEG57912H**  
Bộ điều chỉnh sáng tối dùng cho đèn LED  
có chức năng điều chỉnh độ sáng (Max 8 đèn/ 200W)  
Dimmer Switch for LED dimmable bulb  
(Max 8 lamps/ 200W) 220V - 50Hz  
Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng  
(Thời gian đặt hàng 4 tháng)

**770.000**



**WEV1081H/ WEV1081-7H**  
(Cắm nhanh/ Bắt vít)  
Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A  
Universal receptacle with safety Shutter  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**42.000**



**WEV1181H/ WEV1181-7H**  
(Cắm nhanh/ Bắt vít)  
Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A  
Grounding universal receptacle with safety Shutter  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**80.000**



**WEV1191H**  
Ổ cắm đơn có dây nối đất, 250VAC - 16A  
Ground universal receptacle  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**75.000**



**WEV1582H/ WEV1582-7H**  
Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A  
Grounding Universal receptacle with safety Shutter  
Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng

**117.000**



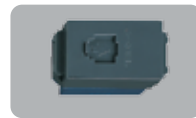
**WEV1592H**  
Ổ cắm đôi có dây nối đất, 250VAC - 16A  
Grounding duplex universal receptacle  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**90.000**



**WEG2501H/ WEG2501H**  
Ổ cắm anten Tivi, 75 Ohm  
Television terminal  
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/thùng

**112.000**



**WEG2364H/ WEG2364H**  
Ổ cắm điện thoại 4 cực  
Telephone modular jack 6P4C  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 50 cái/ thùng

**109.000**



**WEG2488H/ WEV2488H - CAT5**  
**WEV24886H - CAT6**  
Ổ cắm data  
Data modular  
Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng

**195.000**

**234.000**



**WEG3020H**  
Nút trống  
Blank chip  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

**13.000**

## MẶT KIM LOẠI BẰNG NHÔM



**WEG6501 - 1**  
Dùng cho 1 thiết bị  
1 device metal plate  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

**70.000**



**WEG6502 - 1**  
Dùng cho 2 thiết bị  
2 devices metal plate  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

**70.000**



**WEG6503 - 1**  
Dùng cho 3 thiết bị  
3 devices metal plate  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

**70.000**



**WEG65029 - 1**  
Dùng riêng cho WEV1181SW/ WEV1191SW/ 2P MCB  
1-gang center 2 devices metal plate or for  
WEV1181SW/ WEV1191SW/2P MCB only  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

**70.000**



### WEG68010MB

Mặt dùng cho 1 thiết bị  
1 gang - 1 device color plate  
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng

24.000



### WEG68020MB

Mặt dùng cho 2 thiết bị  
1 gang - 2 devices color plate  
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng

24.000



### WEG68030MB

Mặt dùng cho 3 thiết bị  
1 gang - 3 devices color plate  
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng

24.000



### WEG680290MB

Mặt dùng riêng cho WEV1181SW/ WEV1191SW/ 2P MCB  
1-gang center 2 devices color plate or for  
WEV1181SW/ WEV1191SW/ 2P MCB only  
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng

24.000



### WEG6804MB

Mặt dùng cho 4 thiết bị  
2 gangs - 4 devices color plate  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

43.000



### WEG6806MB

Mặt dùng cho 6 thiết bị  
2 gangs - 6 devices color plate  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

43.000



### WEG68010MW

Mặt dùng cho 1 thiết bị  
1 gang - 1 device color plate  
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng

24.000



### WEG68020MW

Mặt dùng cho 2 thiết bị  
1 gang - 2 devices color plate  
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng

24.000



### WEG68030MW

Mặt dùng cho 3 thiết bị  
1 gang - 3 devices color plate  
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng

24.000



### WEG680290MW

Mặt dùng riêng cho WEV1181SW/ WEV1191SW/ 2P MCB  
1-gang center 2 devices color plate or for  
WEV1181SW/ WEV1191SW/ 2P MCB only  
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng

24.000



### WEG6804MW

Mặt dùng cho 4 thiết bị  
2 gangs - 4 devices color plate  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

43.000



### WEG6806MW

Mặt dùng cho 6 thiết bị  
2 gangs - 6 devices color plate  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

43.000

## CHUÔNG ĐIỆN



### EGG331

Nút chuông kín nước, 220VAC - 1A  
Bell push button  
Đóng gói 20 cái/thùng  
Kết nối được 02 chuông EBG888

92.000



### EBG888

Chuông điện, 220V - 9.5W, 50Hz, 82dB  
Door chime  
Đóng gói 10 cái/thùng

170.000

## Ổ CẮM CÓ DÂY



### WCHG28334

Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 3 công tắc phụ, 250VAC - 16A  
Extension cord 3 sockets  
Đóng gói 5 cái/thùng

960.000



### WCHG28352

Ổ cắm có dây, 6 ổ cắm, 250VAC - 16A  
Extension cord 6 sockets  
Đóng gói 5 cái/thùng

710.000



### WCHG28352

Ổ cắm có dây, 5 ổ cắm, 1 công tắc, 250VAC - 16A  
Extension cord 5 sockets  
Đóng gói 5 cái/thùng

780.000

## THIẾT BỊ CẢM ỨNG GẮN TRẦN/ BẢO CHÁY

**Độ nhạy cao:** Đầu dò với thiết bị cảm ứng Napion sản xuất theo công nghệ Panasonic.

**Tuổi thọ cao:** Thiết kế chức năng bật tắt 100.000 lần ở chế độ toàn tải.



Loại gắn nổi

### WTKG2311

Tự động bật sáng khi có người và trời tối  
220 - 240VAC 3A  
Sản xuất tại Đài Loan  
Chế độ hẹn giờ tắt  
10 giây - 30 phút

2.350.000



Loại âm trần

### WTKG2310 - P

Tự động bật sáng khi có người  
220 - 240VAC 3A  
Chế độ hẹn giờ 60 giây  
Sản xuất tại Thái Lan  
Chế độ hẹn giờ tắt 1 phút

1.080.000



Sản xuất tại Thái Lan

### WTKG2411 - P

#### Sensor chính

3A 220 - 240V  
Có thể nối tối đa với 4 sensor phụ  
Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút  
Bóng đèn sợi đốt 660V - Bóng đèn huỳnh quang 330W  
Điều chỉnh độ nhạy sáng:  
5 lux - 1000 lux

1.450.000



### WTKG2911 - P

#### Sensor phụ

Chỉ kết nối với WTKG2411 - P, không kết nối với đèn

870.000



Lắp trần và tường

### SH28455911

#### Đầu báo cháy sử dụng pin (Loại phát hiện khói)

Âm lượng báo động 84dB hoặc hơn với khoảng cách 1m so với thiết bị  
Tuổi thọ pin 10 năm, có chế độ báo pin yếu hoặc sự cố đo lỗi kỹ thuật  
Sản xuất tại Nhật Bản

899.000



## Refina MÀU



**WEG55317MB**  
Công tắc B, 1 chiều, màu đen ánh kim, 250 VAC - 16A  
Switch B - 1 way  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

40.000



**WEG55327MB**  
Công tắc C, 2 chiều, màu đen ánh kim, 250 VAC - 16A  
Switch C - 2 ways  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

70.000



**WEG55317MW**  
Công tắc B, 1 chiều, màu trắng ánh kim, 250 VAC - 16A  
Switch B - 1 way  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

40.000



**WEG55327MW**  
Công tắc C, 2 chiều, màu trắng ánh kim, 250 VAC - 16A  
Switch C - 2 ways  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

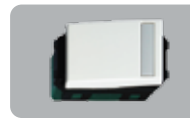
70.000

## Refina TRẮNG



**WEV5531SW/ WEV5531-7SW**  
(Cắm nhanh/ Bắt vít)  
Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ, 250 VAC - 16A  
Switch B - 1 way  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

31.000



**WEV5532SW/ WEV5532-7SW**  
(Cắm nhanh/ Bắt vít)  
Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ, 250 VAC - 16A  
Switch C - 2 ways  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

57.000



**WEV5521SW/ WEV5521-7SW**  
(Cắm nhanh/ Bắt vít)  
Công tắc B, 1 chiều, loại trung, 250 VAC - 16A  
Switch B - 1 way  
Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng

31.000



**WEV5522SW/ WEV5522-7SW**  
(Cắm nhanh/ Bắt vít)  
Công tắc C, 2 chiều, loại trung, 250 VAC - 16A  
Switch C - 2 ways  
Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng

57.000



**WEV5511SW/ WEV5511-7SW**  
(Cắm nhanh/ Bắt vít)  
Công tắc B, 1 chiều, loại lớn, 250 VAC - 16A  
Switch B - 1 way  
Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng

31.000



**WEV5512SW/ WEV5512-7SW**  
(Cắm nhanh/ Bắt vít)  
Công tắc C, 2 chiều, loại lớn, 250 VAC - 16A  
Switch C - 2 ways  
Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng

57.000



**WEG5542-7SW**  
Công tắc C, 2 chiều, loại đôi, 250 VAC - 10A  
Switch C - 3 way  
Dùng với mặt WEV68030SW  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

130.000



**WEG55337SW/WEV5533-7SW**  
(Bắt vít)  
Công tắc D có đèn báo (2 tiếp điểm), 250 VAC - 20A  
Glow Switch D (2 poles)  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

250.000

## CHUYÊN DỤNG CHO KHÁCH SẠN- HOTEL WIRING DEVICES



**WEG3032R-021**  
Đèn báo "Đừng làm phiền", 220 VAC - 10A  
"Do not disturb" pilot lamp  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

139.000



**WEB1051W**  
Ổ cắm chuyên dùng cho máy cạo râu  
Shaver socket build switch  
In: 220VAC Out: 110VAC or 240VAC  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 20 cái/ thùng

1.460.000



**WEG3032G-031**  
Đèn báo "Xin dọn phòng", 220VAC - 10A  
Please clean up pilot lamp  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

139.000



**WEB5781WK**  
Công tắc thẻ / Card Switch  
220VAC - 16A  
Hàng không có sẵn - Đặt hàng trước 4 tháng

1.650.000

## BỘ CÔNG TẮC - CÓ ĐÈN BÁO



**WTEGP51552S - 1 - G**  
Bộ 1 công tắc có đèn báo  
Illuminated switch "C", 3 - ways  
1 - device with plate

760.000



**WTEGP52562S - 1 - G**  
Bộ 2 công tắc có đèn báo  
Illuminated switch "C", 3 - ways  
2 - devices with plate

1.290.000



**WTEGP53572S - 1 - G**  
Bộ 3 công tắc có đèn báo  
Illuminated switch "C", 3 - ways  
3 - devices with plate

1.920.000



**WTEGP54562S - 1 - G**  
Bộ 4 công tắc có đèn báo  
Illuminated switch "C", 3 - ways  
4 - devices with plate

2.570.000



**WTEGP55582S - 1 - G**  
Bộ 5 công tắc có đèn báo  
Illuminated switch "C", 3 - ways  
5 - devices with plate

3.200.000



**WTEGP56572S - 1 - G**  
Bộ 6 công tắc có đèn báo  
Illuminated switch "C", 3 - ways  
6 - devices with plate

3.850.000

## MẶT ĐẬY



**WTEG6506S - G**  
Mặt ngang 6 thiết bị  
2 - gangs, 6 - devices

920.000



**WTEG6503S - 1 - G**  
Mặt ngang 3 thiết bị  
1 - gang, 3 - devices

460.000

## Gen-X A-TYPE



## BS - TYPE



**WTFBP51552S-1-G**  
Bộ 1 công tắc có đèn báo  
BS type  
Illuminated switch "C",  
3 ways, 1 device with plate

640.000



**WTFBP52562S-1-G**  
Bộ 2 công tắc có đèn báo  
BS type  
Illuminated switch "C",  
3 ways, 2 devices with plate

1.090.000



**WTFBP53572S-1-G**  
Bộ 3 công tắc có đèn báo  
BS type  
Illuminated switch "C",  
3 ways, 3 devices with plate

1.620.000



**WTFB6503S-1-G**  
Mặt đứng 3 thiết bị  
1 gang, 3 devices plate

390.000



**WEV2501B / WEG2501B - G**  
Ổ cắm TV  
DIN type television terminal

120.000



**WEV2364B / WEG2364B - G**  
Ổ cắm điện thoại 4 cực  
Telephone modular jack (6P4C)

118.000



**WEV2488B / WEG2488B - G**  
Ổ cắm dạng CAT5  
CAT5E data  
Modular jack

240.000



**WEG15829B - G**  
Ổ cắm đôi có màn che và dây  
nối dây 16A 250V  
Grounding duplex universal receptacle  
With safety shutter 16A 250V

130.000



**WEG57816B - 1 - G**  
Bộ điều chỉnh sáng tối  
500W, 220V  
Dimmer switch 220VAC 500W

590.000



**WEG57912B-1**  
Bộ điều chỉnh sáng tối dùng cho đèn LED  
có chức năng điều chỉnh độ sáng (Max 8 đèn/ 200W)  
Dimmer Switch for LED dimmable bulb  
(Max 8 lamps/ 200W) 220V - 50Hz  
Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng  
Thời gian đặt hàng 4 tháng

790.000



**WEG57813B-1-G**  
Bộ điều chỉnh sáng tối  
300W, 220V  
Dimmer switch 220VAC 300W

530.000



**WEG3020B - G**  
Nút trống  
Blank chip

16.000





**WNV5001-7W**  
 Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A  
 Switch B(1 - way)  
 Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

11.000



**WNG5021W-7**  
 Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, 250VAC - 10A  
 Twin Switch B, single pole  
 Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

87.000



**WNV5002-7W**  
 Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A  
 Switch C(2 - ways)  
 Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

33.000



**WNG5003W-7**  
 Công tắc D (2 tiếp điểm), 250VAC - 10A  
 Switch D(2 poles)  
 Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

106.000



**WNG5004W-7**  
 Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 10A  
 Switch E(4 - ways)  
 Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

170.000



**WNV5241W-801**  
 Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 300VAC - 4A  
 Appellation glow switch B  
 Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

354.000



**WNG5051W-751**  
 Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A  
 Illuminated appellation switch C  
 Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

99.000



**WNG5052W-751**  
 Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A  
 Illuminated appellation switch C  
 Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

119.000



**WNG5343W-761**  
 Công tắc D có đèn báo  
 Dùng cho máy nước nóng (có chữ)  
 250VAC - 20A  
 Đóng gói 20 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

176.000



**WBG5414699W**  
 Công tắc D có đèn báo  
 Dùng cho máy lạnh (có chữ)  
 250VAC - 20A  
 Đóng gói 10 cái/ hộp, 50 cái/ thùng

176.000



**WBG5414699W-SP**  
 Công tắc D có đèn báo  
 Dùng cho máy nước nóng, máy lạnh (không chữ)  
 250VAC - 20A  
 Đóng gói 10 cái/ hộp, 50 cái/ thùng

176.000



**WBG5408699W**  
 Công tắc D có đèn báo  
 Dùng cho bếp điện, máy nước nóng  
 250VAC - 45A  
 Đóng gói 10 cái/ hộp, 50 cái/ thùng

359.000



**WVG3001**  
 Công tắc B, 1 chiều, loại nổi  
 Surface mounting switch B, single pole  
 300VAC - 10A  
 Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

39.000



**WNV1081-7W**  
 Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A  
 Universal receptacle with safety Shutter  
 Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

28.000



**WNV1091-7W**  
 Ổ cắm đơn, 250VAC - 10A  
 Universal receptacle  
 Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

24.000



**WNG159237W**  
 Ổ cắm đôi có dây nối đất, 250VAC - 16A  
 Grounding duplex universal receptacle  
 Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

72.000



**WZV1201W/WZ1201W**  
 Ổ cắm TV  
 Television terminal  
 75 Ohm,  
 Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng

59.000



**WNTG15649W**  
 Ổ cắm điện thoại 4 cực  
 Telephone modular jack 6P4C  
 Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

74.000



**NRV3160W**  
 Ổ cắm data tiêu chuẩn RJ45 - CAT5  
 Data modular jack RJ45 - CAT5  
 Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

160.000



**WNG5401W-7K**  
 Nút nhấn chuông, 300 VAC - 10A  
 Bell push button  
 Đóng gói 200 cái/thùng

55.000



**WKG1092250**  
 Ổ cắm đôi loại nổi, 250VAC - 10A  
 Surface mounting duplex universal receptacle  
 Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

49.000



**WN3020W**  
 Nút trống  
 Blank chip  
 Đóng gói 20 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

9.500



**WN3023W**  
 Lỗ ra dây điện thoại  
 Telephone wire chip  
 Đóng gói 20 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

9.500



**WN10907KW**  
 Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn), 250VAC - 10A  
 Round pin receptacle  
 Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

29.000



**WN1001-7KW**  
 Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp), 250VAC - 10A  
 Flat pin receptacle  
 Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

29.000



**WN11017W**  
 Ổ cắm đơn có dây nối đất (phích cắm dẹp), 250VAC - 10A  
 Grounding flat pin receptacle  
 Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

55.000

## MẶT ĐẬY FULL COLOR



**WZV7841W**  
Mặt góc vuông dùng cho 1 thiết bị  
1 gang - 1 device plate  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

15.100



**WZV7842W**  
Mặt góc vuông dùng cho 2 thiết bị  
1 gang - 2 devices plate  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

15.100



**WZV7843W**  
Mặt góc vuông dùng cho 3 thiết bị  
1 gang - 3 devices plate  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

15.100



**WZV7061W**  
Mặt góc vuông dùng cho HB  
1 gang plate for HB breaker  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

15.100



**WZV7844W**  
Mặt dùng cho 4 thiết bị  
2 gang - 4 devices plate  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

30.000



**WZV7846W**  
Mặt dùng cho 6 thiết bị  
2 gang - 6 devices plate  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

30.000

## Ổ CẮM ÂM SÀN (Loại lắp 3 thiết bị)

- Chất liệu: Kim loại



**DUF1200LTK-1**  
Bộ ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)  
Bao gồm hộp âm [54 x 119 x 119]  
Floor outlet, blank for triple device with outlet box

990.000

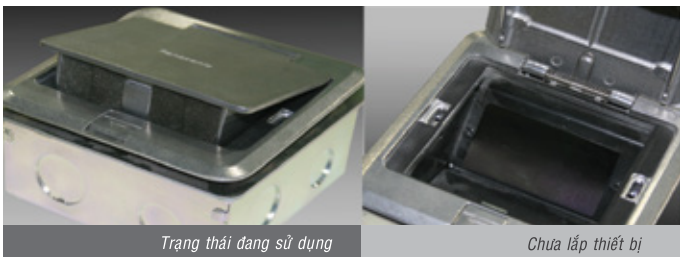
## Ổ CẮM ÂM SÀN (Loại lắp 6 thiết bị)

- Chất liệu: Kim loại



**DUMF3200LT-1**  
Bộ ổ cắm âm sàn loại 6 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)  
Bao gồm hộp âm [54 x 120 x 120]  
Multi floor outlet, blank for six device with outlet box

1.650.000



Trạng thái đang sử dụng

Chưa lắp thiết bị



Đóng



Mở

## Ổ CẮM ÂM SÀN CÓ NẮP ĐẬY - CÓ HỘP ÂM

(Loại lắp 3 thiết bị)

Quy cách hộp âm: 119 x 119 x 54mm

(Loại lắp 2 thiết bị)

Quy cách hộp âm: 102 x 102 x 45mm

Chất liệu: nhựa tổng hợp



**DU81931HTK-1**  
Bộ ổ cắm âm sàn 2 ổ cắm có dây nối đất  
Grounding duplex universal receptacle

794.000



**DU7199HTC-1**  
Ổ cắm âm sàn 2 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị),  
bao gồm đế âm  
Floor outlet, blank for double device with cover unit

599.000



**DU8199HTK-1**  
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị), bao gồm đế âm  
Floor outlet, blank for triple device with cover unit

725.000

CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ



NEW

**TB621018A7**  
**Loại điện tử** gắn thanh ray / hàng tuần, cài đặt được ngày lễ  
 220 - 240VAC, 50-60Hz, **16A**  
 50 chế độ cài giờ (25 bật - 25 tắt) - Thời gian cài tối thiểu 1 phút  
 Có pin dự trữ **6 năm**  
 50 operations, minimum setting time is **1 min**  
**6 years** reserve battery  
 Hàng không có sẵn - Thời gian đặt hàng: 4 tháng

2.090.000



**TB2118E7**  
**Loại điện tử** / hàng ngày (24 giờ)  
 190 - 240VAC, 50-60Hz, **30A**  
 4 chế độ cài giờ (2 bật - 2 tắt) - Thời gian cài tối thiểu 1 phút  
 Có pin dự trữ **5 năm**  
 4 operations, minimum setting time is **1 min**  
**5 years** reserve battery

1.280.000



**TB178**  
 SPST Type  
 220 - 240VAC, 50Hz, 15A  
 6 chế độ cài giờ - thời gian cài tối thiểu 30 phút  
 Không có pin dự trữ  
 6 operations, minimum setting time is **30 min**  
 W/o battery

570.000



**TB35809NE5**  
 SPST Type  
 220 - 240VAC, 50Hz, 20A  
 96 chế độ cài giờ - Thời gian cài tối thiểu 15 phút  
 Không có pin dự trữ  
 96 operations, minimum setting time is **15 min**  
 W/o battery

690.000



**TB5560187N**  
 Loại DIN module - gắn thanh DIN  
 220 - 240VAC, 50/60Hz, 16A  
 96 chế độ cài giờ - Thời gian cài tối thiểu 15 phút  
 Có pin dự trữ **300 giờ**  
 96 operations, minimum setting time is **15 min**  
**300 hours** reserved battery

970.000



**TB2128E7**  
**Loại điện tử** / hàng tuần  
 190 - 240VAC, 50 - 60Hz, **30A**  
 16 chế độ cài giờ (8 bật - 8 tắt)  
 Thời gian cài tối thiểu **1 phút**  
 Có pin dự trữ **5 năm**  
 16 operations, minimum setting time is **1 min**  
**5 years** reserve battery

1.280.000



**TB118**  
 SPST Type, 220 - 240VAC, 15A, 6 chế độ cài giờ.  
 Thời gian cài tối thiểu 30 phút. Có pin dự trữ 300 giờ  
 6 operations, minimum setting time is **30 min**.  
 C/w battery 300 hours.

920.000

**TB11802459 / TB380N2457**  
 Pin dùng cho TB118

190.000



**TB38809NE7**  
 SPST Type  
 220 - 240VAC, 15A  
 96 chế độ cài giờ  
 Thời gian cài tối thiểu 15 phút  
 Có pin dự trữ 300 giờ  
 96 operations, minimum setting time is **15 min**  
 C/w battery 300 hours

1.030.000



**EE8123-821**  
 Công tắc quang điện  
 Photoelectric EE switch  
 230V - 3A  
 Cảm biến bằng ánh sáng  
 Tự động bật khi trời tối  
 Tắt khi trời sáng

377.000

PHÍCH CẮM VÀ Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP



**WK2315K** 125V - 15A - 2P+ Ground  
**WK2320K** 250V - 20A - 3P  
**WK2330** 250V - 30A - 2P + Ground  
 Ổ cắm locking loại nổi, màu đen  
 Locking surface mounting receptacle black

178.000

210.000

620.000



**WK2420K** 250V - 20A - 3P + Ground  
**WK2430** 250V - 30A - 3P + Ground  
 Ổ cắm locking loại nổi, màu đen  
 Locking surface mounting receptacle black

325.000

690.000



**WK1330**  
 Ổ cắm chuyên dùng  
 Surface mounting receptacle  
 250V - 30A - 3P

447.000



**WF2315WK** 125V - 15A - 2P+ Ground  
**WF2320WK** 250V - 20A - 3P  
**WF2330B** 250V - 30A - 2P + Ground

152.000

192.000

475.000



**WF2420BK** 250V - 20A - 3P + Ground  
**WF2430B** 250V - 30A - 3P + Ground  
**WF2420WK** 250V - 20A - 3P + Ground

304.000

610.000

304.000



Ổ cắm locking kín bụi  
 Weatherproof locking receptacle  
**WK6330** 250V - 30A - 2P + Ground  
**WK6430** 250V - 20A - 3P + Ground

922.000

1.100.000



**WN1518R**  
 Ổ cắm đôi có dây nối đất  
 Grounding flat pin receptacle  
 125V - 15A

263.000



**WN9513/ WN9514**  
 Mặt nhôm lỗ tròn  
 Đường kính 35,5/ 45,5mm  
 1 gang - 1 device aluminum plate  
 35,5 dia/ 45,5 dia

86.000



**WN37008**  
 Đai kim loại  
 Metal - Frame

13.600



**WN3040K-8**  
 Trạm nối đất  
 Grounding - terminal

90.000



**WF6315** 125V - 15A - 2P+ Ground  
**WF6320** 250V - 20A - 3P  
**WF6330** 250V - 30A - 2P + Ground  
 Phích cắm locking/ Locking Plug

109.000

180.000

448.000



**WF6420** 250V - 20A - 3P + Ground  
**WF6430** 250V - 30A - 3P + Ground  
 Phích cắm locking/ Locking plug

210.000

480.000



**WF4330**  
 Phích cắm kín nước  
 Rubber plug  
 250V - 30A - 3P


631.000





**WNH5611-801**  
 Công tắc thẻ (3 tiếp điểm)  
 Tablet switch (3 circuits)  
 250V - 10A


1.725.000

### CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN - TỰ ĐỘNG BẢO VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH - MCB MCB BD - 63:IEC 60898 STANDARDS MCB BD - 125:IEC 60947 - 2 STANDARDS

MCB 01 P C Curve	Mã số Code	$I_n$ (A)	$I_{cu}$ (kA)	Đơn giá Price (VNĐ)
	BBD1061CNV	06	240VAC/ 415VAC 06kA	<b>80.000</b>
	BBD1101CNV	10		
	BBD1161CNV	16		
	BBD1201CNV	20		
	BBD1251CNV	25		
	BBD1321CNV	32		
	BBD1401CNV	40		
	BBD1501CNV	50		
	BBD1631CNV	63		
	BBD108011C	80		
Đóng gói 48 cái/ thùng	BBD110011C	100	<b>760.000</b>	

MCB 02 P C Curve	Mã số Code	$I_n$ (A)	$I_{cu}$ (kA)	Đơn giá Price (VNĐ)
	BBD2062CNV	06	240VAC 10kA	<b>233.000</b>
	BBD2102CNV	10		
	BBD2162CNV	16		
	BBD2202CNV	20		
	BBD2252CNV	25		
	BBD2322CNV	32		
	BBD2402CNV	40		
	BBD2502CNV	50		
	BBD2632CNV	63		
	BBD208021C	80		
Đóng gói 24 cái/ thùng	BBD210021C	100	<b>1.500.000</b>	

MCB 03 P C Curve	Mã số Code	$I_n$ (A)	$I_{cu}$ (kA)	Đơn giá Price (VNĐ)
	BBD3063CNV	06	415VAC 06kA	<b>412.000</b>
	BBD3103CNV	10		
	BBD3163CNV	16		
	BBD3203CNV	20		
	BBD3253CNV	25		
	BBD3323CNV	32		
	BBD3403CNV	40		
	BBD3503CNV	50		
	BBD3633CNV	63		
	BBD308031C	80		
Đóng gói 16 cái/ thùng	BBD310031C	100	<b>1.920.000</b>	

MCB 04 P C Curve	Mã số Code	$I_n$ (A)	$I_{cu}$ (kA)	Đơn giá Price (VNĐ)
	BBD4064CA	06	415VAC 06kA	<b>580.000</b>
	BBD4104CA	10		
	BBD4164CA	16		
	BBD4204CA	20		
	BBD4254CA	25		
	BBD4324CA	32		
	BBD4404CA	40		
	BBD4504CA	50		
	BBD4634CA	63		
	BBD408041C	80		
Đóng gói 12 cái/ thùng	BBD410041C	100	<b>3.020.000</b>	

### RESIDUAL CIRCUIT BREAKER OVERCURRENT RCBO BẢO VỆ CHỐNG DÒNG RÒ & QUÁ TẢI / 02 P - C CURVE.RCBO BDE-40, 63:IEC 601009 STANDARDS

Mã số Code	$I_n$ (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	$I_{cu}$ (kA) 240VAC	Đơn giá Price (VNĐ)	Mã số Code	$I_n$ (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	$I_{cu}$ (kA) 240VAC	Đơn giá Price (VNĐ)
BBDE20631CNV	06	30	06	<b>550.000</b>	BBDE23231CNV	32	30	06	<b>590.000</b>
BBDE21631CNV	16				BBDE24031CNV	40			
BBDE22031CNV	20				BBDE25031CNV	50			
BBDE22531CNV	25				BBDE26331CNV	63			
					<b>840.000</b>				

Đóng gói  
24 cái/ thùng

**Ngắt điện nhanh, độ bền cao,  
an toàn cho thiết bị và người sử dụng**



**CẦU DAO TỰ ĐỘNG - KIỂU DIN**

Ngắt điện nhanh hơn giúp hệ thống điện an toàn hơn và phòng ngừa hỏa hoạn.

Dòng điện chạy qua tiếp điểm ổn định hơn giúp giảm hao mòn tiếp điểm, tăng tuổi thọ cầu dao và thiết bị sử dụng điện.

Ba trạng thái nhận biết cầu dao ở chế độ Đóng điện/ Tắt điện/ Ngắt mạch.

## CẦU DAO ĐÓNG NGẮT MẠCH ĐIỆN TỰ ĐỘNG BẢO VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH - Molded Case Circuit Breaker - MCCB

IEC 60947-2 Standards

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kỹ thuật Specifications			Đơn giá Price (VND)
		Dòng định mức $I_n$ (A)	Dòng cắt danh định $I_{cu}$ (kA)		
			200 VAC	415 VAC	
<b>MCCB 02 P - GD Series</b>					
	BBW240SKY	40	10	2,5	<b>850.000</b>
	BBW250SKY	50			
DIN rail mounting (Gắn trên thanh ray)					
	BBW260Y	60	5	2,5	<b>910.000</b>
	BBW275SKY	75	50	25	<b>1.670.000</b>
	BBW2100SKY	100			
<b>MCCB 03 P - GD Series</b>					
	BBW310Y	10	2,5	1,5	<b>670.000</b>
	BBW315Y	15			
	BBW320Y	20			
	BBW330Y	30			
	BBW340SKY	40	10	2,5	<b>1.085.000</b>
	BBW350SKY	50			
	BBW360SKY	60	10	2,5	<b>1.095.000</b>
	DIN rail mounting				
	BBW375SKY	75	50	25	<b>2.140.000</b>
	BBW3100SKY	100			
	BBW3125SKY	125	50	25	<b>2.780.000</b>
	BBW3150SKY	150			
<b>MCCB 03 P - GD Series</b>					
	BBW3175KY	175	50	25	<b>3.830.000</b>
	BBW3200KY	200			
	BBW3225KY	225			
	BBW3250KY	250	50	25	<b>6.110.000</b>
	BBW3400KY	400	50	25	<b>8.350.000</b>

## BỘ NGẮT MẠCH AN TOÀN HB-02P & ELB BẢO VỆ DÒNG RÒ-02P Safety Breaker & Earth Leakage Breaker

JIS Standards

Hình ảnh Images	Diễn giải Descriptions			Đơn giá Price (VND)
	Mã số Code	$I_n$ (A)	$I_{cu}$ (kA) 240VAC	
	BS11106TV	6	1	<b>78.000</b>
	BS11110TV	10	1,5	
	BS11111TV	15	1,5	
	BS11112TV	20	1,5	
	BS11113TV	30	1,5	
	BS1114TV	40	1,5	<b>330.000</b>
	Đóng gói 50 cái/ thùng			
	$I_n$ (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	$I_{cu}$ (kA) 240VAC	<b>699.000</b>
	30	15 30	1,5	
	BJS3020NA2	ELB không bảo vệ quá tải		
	BJS3030NA2	ELB W/o O.C protected		
	$I_n$ (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	$I_{cu}$ (kA) 240VAC	<b>820.000</b>
	30	30	2,5	
	BJJ23030-8	ELB không bảo vệ quá tải ELB W/o O.C protected		
	$I_n$ (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	$I_{cu}$ (kA) 240VAC	<b>1.500.000</b>
	30	15 30	1,5	
	BJJ23022-8	ELB có bảo vệ quá tải		
	$I_n$ (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	$I_{cu}$ (kA) 240VAC	<b>2.220.000</b>
	50	30	2,5	
	BKW2503Y	ELB có bảo vệ quá tải ELB with O.C protected		
	$I_n$ (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	$I_{cu}$ (kA) 240VAC	<b>3.080.000</b>
	60	30	10	
	BKW2603SKY	ELB có bảo vệ quá tải ELB with O.C protected		<b>8.350.000</b>
	$I_n$ (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	$I_{cu}$ (kA) 240VAC	
	100	30	25	
	BKW21003KY	ELB có bảo vệ quá tải ELB with O.C protected		<b>3.080.000</b>

## QUẠT HÚT GẮN TƯỜNG DÂN DỤNG

### Loại 1 chiều - Có màn che

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV - 20AL9	22	546	40	25	980.000
FV - 25AL9	29	835	43	30	1.080.000
FV - 30AL7	29	935	43	35	2.170.000

### Loại 02 chiều - Có màn che

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV - 20RL7	20	546	39	25	1.570.000
FV - 25RL7	29	876	41	30	1.910.000
FV - 30RL6	31	990	44	35	2.245.000

### Loại 01 chiều - Không có màn che

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV - 15AST	15	288	31	17	780.000

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV - 20AU9	22	580	38	25	785.000
FV - 25AU9	29	920	39	30	885.000
FV - 30AU9	29	1.200	39	35	1.440.000

### Loại 02 chiều - Không có màn che

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV - 20RG7	20	580	36	25	1.430.000
FV - 25RG7	29	945	38	30	1.630.000
FV - 30RG7	31	1.165	39	35	2.020.000

### Có màn che chống côn trùng và ống thông nghiêng cản mưa

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Đường kính cửa lỗ tường (cm)	
FV-10EGS1	5,5	75	35	12	750.000
FV-15EGS1	6,2	150	36	16,5	910.000

### Có nắp che mưa

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Đường kính cửa lỗ tường (cm)	
FV - 10EGK	5,5	75	33	13	815.000
FV - 15EGK	6,2	160	34	18	1.040.000

### Quạt hút dùng cho nhà bếp

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-25AUF1	34	835	42	30	1.480.000

- Nắp dạng lưới bằng nhôm không dính nước (Dầu sẽ đọng lại thành từng hạt và rơi vào khay chứa dầu)
- Dễ lau sạch bụi bẩn, bảo trì dễ dàng và có khay trữ dầu thể tích lớn
- Có kim chỉ mức dầu

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước cửa lỗ tròn (cm)	
FV-15WU4	8	210	35	18	920.000
FV-20WU4	16	360	32	24	1.190.000

- Quạt hút ốp vách kính
- Đường kính lỗ kính 17,7cm / 23,8 cm

## QUẠT HÚT ÂM TRẦN

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Đường kính cửa lỗ tường (cm)	
FV-20CUT1	22,6	438	40,5	26	825.000

### Dùng với ống dẫn Ø100mm - 1 cấp tốc độ

FV - 17CU7	11	85	26	17	2.255.000
FV - 24CU7	14	140	28	24	2.800.000
FV - 24CD7	17	170	31	24	2.890.000
FV - 24CH7	20	200	35	24	3.030.000

### Dùng với ống dẫn Ø150mm - 2 cấp tốc độ

FV - 27CH9	23 (Low)	260 (Low)	30	27	4.550.000
	28 (High)	330 (High)	34		
FV - 32CD9	32 (Low)	300 (Low)	28	32	6.100.000
	42 (High)	430 (High)	36		
FV - 32CH9	45 (Low)	400 (Low)	34	32	6.650.000
	55 (High)	530 (High)	41		
FV - 38CD8	66 (Low)	430 (Low)	35	38	8.300.000
	90 (High)	640 (High)	44		
FV - 38CH8	89 (Low)	525 (Low)	40	38	9.000.000
	122 (High)	800 (High)	50		

FV - 24JR2	- Có sensor cảm ứng hồng ngoại				5.000.000
FV - 24JA2					4.350.000

- Động cơ DC, tiết kiệm điện, công suất 8W, độ ồn 31dB
- Kích thước lỗ trần 24cm, dùng với ống dẫn Ø100mm
- 1 chế độ hẹn giờ tắt: 15 phút
- 3 cấp độ gió: 80/120/160

## QUẠT HÚT CÔNG NGHIỆP Industrial Ventilating Fans

Mã số	W	CMH	dB	D (cm)	
FV - 40KUT	61	2.060	49	43,5 x 43,5	3.315.000

### Dòng sản phẩm chịu áp lực cao

FV - 25GS4	39	1.150	34	27,5	4.450.000
FV - 30GS4	59	1.820	38	32,5	6.150.000
FV - 35GS4	88	2.560	44	39,5	7.550.000
FV - 40GS4	161	3.610	47	44,5	9.600.000
FV - 45GS4	227	5.200	51	50	15.700.000

Made in Japan

## QUẠT HÚT CABINET Độ ồn thấp

Mã hàng	Cấp độ	W	CMH	dB	D (cm)	
FV - 12NS3	Hi	18	180	21	Ø100	2.950.000
	Low	17	145	17		
FV - 15NS3	Hi	33	340	25	Ø150	3.900.000
	Low	29,5	275	22		
FV - 18NS3	Hi	60	500	29	Ø150	4.650.000
	Low	55	405	27		
FV - 18NF3	Hi	91	770	31	Ø200	5.650.000
	Low	80	620	29		
FV - 20NS3	Hi	120	920	32	Ø200	6.990.000
	Low	113	720	29		
FV - 23NL3	Hi	230	1200	40	Ø200	8.550.000
	Low	170	900	34		
FV - 25NS3	Hi	345	1700	41	Ø250	11.300.000
	Low	265	1380	38		
FV - 25NF3	Hi	390	1900	43	Ø250	12.990.000
	Low	325	1600	40		

**QUẠT ĐỨNG - STANDING FAN**



- F - 409KB** (Màu xanh)
- F - 409KBE** (Màu beige)
- F - 409KMR** (Màu đỏ)
- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 54W
- Lưu lượng gió 66 CMH
- Chiều cao quạt 128cm - 143cm
- Có remote
- 3 cấp độ gió
- Chế độ gió theo nhịp (Rhythm Mode)
- Hẹn giờ tắt 1 - 3 - 6 giờ



- F - 407WGO** (Màu vàng kim)
- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 57W
- Lưu lượng gió 54 CMH
- Chiều cao quạt 143cm -171cm
- 3 cấp độ gió
- Có trang bị đèn ngủ



- F - 308NHB** (Màu xanh)
- F - 308NHP** (Màu hồng)
- Đường kính cánh 30cm
- Công suất 59W
- Lưu lượng gió 64 CMH
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Động cơ được thiết kế mỏng và gọn nhẹ
- 3 cấp độ gió
- Có remote
- Hẹn giờ tắt 1 - 2 - 4 giờ
- Chiều cao quạt 91 - 105cm



- F - 307KHB** (Màu xanh)
- F - 307KHS** (Màu bạc)
- Đường kính cánh 30cm
- Công suất 38W
- Lưu lượng gió 51 CMH
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Màng lọc không khí chống bụi và kháng khuẩn
- 3 cấp độ gió
- Có remote
- Hẹn giờ tắt 1 - 2 - 4 giờ
- Chiều cao quạt 66 - 85cm

3.680.000

3.000.000

3.650.000

2.550.000

**QUẠT BÀN - DESK FAN**



- F - 400CB** (Màu xanh)
- F - 400CI** (Màu trắng ngà)
- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 63W
- Lưu lượng gió 66 CMH
- 3 cấp độ gió
- Di chuyển dễ dàng



- F - 409QB** (Màu xanh)
- F - 409QGO** (Màu vàng)
- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 51W
- Lưu lượng gió 68 CMH
- Quạt đảo 360°
- Sử dụng hộp số 5 cấp độ gió

1.350.000

2.950.000

**QUẠT TREO TƯỜNG - WALL FAN**



- F - 409MB** (Màu xanh)
- F - 409MG** (Màu trắng ngà)
- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 59W
- Lưu lượng gió 59 CMH
- 3 cấp độ gió
- Có remote
- Hẹn giờ tắt 1 - 3 - 6 giờ



- F - 409UB** (Màu xanh)
- F - 409UGO** (Màu vàng kim)
- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 59W
- Lưu lượng gió 68 CMH
- 3 cấp độ gió
- Điều khiển quạt bằng công tắc giặt dây

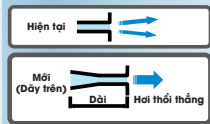
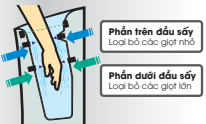
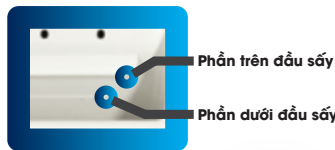
2.590.000

2.090.000

**MÁY SẤY TAY / AUTOMATIC HAND DRYER**

**KHÔ NHANH 3-5 GIÂY, 59DB**

- Hiệu ứng sấy khô hai lần  
Hai dãy đầu sấy.
- Thổi mạnh loại bỏ các giọt nhỏ  
Đầu sấy dài hội tụ.



- FJ - T10T1**
- Thiết kế sang trọng, hiện đại với màn lọc chống dị ứng và lớp vỏ ngoài kháng khuẩn
- Giúp sấy khô nhanh trong 3 - 5 giây với chức năng sấy từ 2 mặt bên và 4 vòi phun
- Có thể chọn tốc độ gió cao và thấp (Hi/Low)
- Máy sẽ tự động tắt sau 30 giây hoạt động liên tục
- Đèn LED tín hiệu
- Công suất 1250W
- Độ ồn 59dB

19.500.000

**MÁY SỬI DÙNG CHO PHÒNG TẮM  
Có chức năng thông gió**



- FV - 27BV1**
- Chức năng thông gió và sưởi ấm
- Kích thước lắp đặt 270mm x 270mm
- Kích thước ống dẫn Ø100mm

	Công suất (W)	Lưu lượng gió(CMH)	Độ ồn (dB)
Sưởi ấm	1.130	130	46
Thông gió	21	150	42

5.990.000

**QUẠT HÚT DÀNH RIÊNG CHO PHÒNG TẮM**



Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)
FV-10BAT1	15	85	40	16x21

1.980.000



- FJ - T09A3** (Có khay nước)
- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1020W
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè

7.050.000



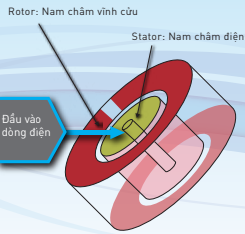
- FJ - T09B3** (Không có khay nước)
- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1020W
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè

5.990.000

## Động cơ điện một chiều

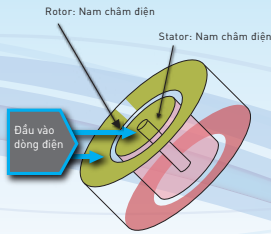
Động cơ điện một chiều (DC) là công nghệ mới, được Tập đoàn Panasonic ứng dụng vào việc sản xuất quạt trần. Với động cơ 1 chiều (DC) giúp mức thụ điện thấp hơn so với động cơ xoay chiều (AC). Động cơ 1 chiều cũng có trọng lượng nhẹ hơn so với động cơ xoay chiều (AC)

### Động cơ điện một chiều (DC)



Chỉ cần đấu vào dòng điện cho Stator

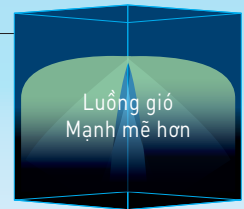
### Động cơ điện xoay chiều (AC)



Cần đấu vào dòng điện cho cả Rotor và Stator

## Thiết kế cánh quạt 3D

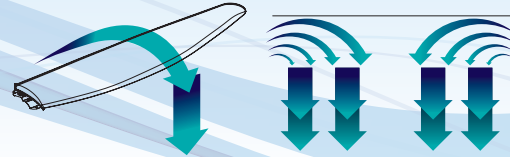
Thiết kế cánh quạt 3D độc đáo và duy nhất giúp mang lại luồng gió êm ái và mạnh mẽ, tuy vậy vẫn giảm thiểu tối đa tiếng ồn.



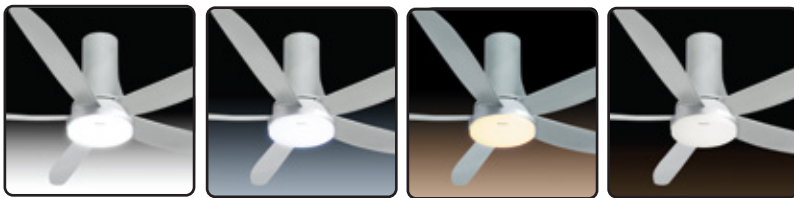
Đường cong cánh quạt

Góc nghiêng cánh quạt

Thiết kế đường cong 3D ở tâm cánh quạt giúp đón gió hiệu quả.



## QUẠT TRẦN CÓ ĐÈN LED



Ánh sáng trắng

Ánh sáng ban ngày

Ánh sáng vàng

Ánh sáng vàng dịu



- Đường kính cánh 150cm
- Chiều dài ti 30cm
- Đèn LED có 4 chế độ sáng

### F-60UFN

- Động cơ DC tiết kiệm điện
- Công suất 57W (motor: 37W, đèn: 20W)
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235 CMH
- Dây an toàn
- Chức năng tạo gió thiên nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ
- Màn hình remote bằng LED
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)
- 8 chế độ hẹn giờ Mở (1 - 8 giờ)

11.900.000

## QUẠT TRẦN / ĐỘNG CƠ DC

\*Cảnh báo : dùng Dimmer điều khiển quạt sẽ gây cháy mạch



### F-60TDN

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 39W
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 240 CMH
- Dây an toàn
- Chức năng tạo gió thiên nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ
- Màn hình remote bằng LED
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)
- 8 chế độ hẹn giờ Mở (1 - 8 giờ)

- Đường kính cánh 150cm
- Chiều dài ti 30cm

6.650.000



### F-60TAN

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 39W
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 240 CMH
- Dây an toàn
- Chức năng tạo gió thiên nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ
- Màn hình remote bằng LED
- 8 chế độ hẹn giờ tắt (1 - 8 giờ)
- 8 chế độ hẹn giờ mở (1 - 8 giờ)
- Chức năng tự thay đổi tốc độ theo nhiệt độ phòng

- Đường kính cánh 150cm
- Chiều dài ti 30cm

8.990.000

## QUẠT TRẦN

\*Cảnh báo : dùng Dimmer điều khiển quạt sẽ gây cháy mạch



### F-60WWK

- 7 cấp độ gió, công suất 84W
- Dây an toàn, lưu lượng gió 225 CMH
- Chức năng tạo gió thiên nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ
- Màn hình remote bằng LED
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)

- Đường kính cánh 150cm
- Chiều dài ti 30cm

6.650.000



### F-56XPG

- 3 cấp độ gió, công suất 64W
- Lưu lượng gió 215 CMH
- Có remote
- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt

- Đường kính cánh 140cm
- Chiều dài ti 30cm

3.420.000



### F-56PZM

- 5 cấp độ gió, công suất 71W
- Lưu lượng gió 215 CMH
- Dây an toàn
- Chức năng tạo gió thiên nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ
- Màn hình remote bằng LED
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)
- Chức năng tự thay đổi tốc độ theo nhiệt độ phòng

- Đường kính cánh 140cm
- Chiều dài ti 30cm

7.490.000



### F-56MPG - GO (Màu vàng ánh kim)

### F-56MPG - S (Màu bạc)

- 3 cấp độ gió, công suất 64W
- Lưu lượng gió 190 CMH
- Có remote
- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt

- Đường kính cánh 140cm
- Chiều dài ti 30cm

3.110.000

Màu trắng viền vàng



### F-60M22 (Chiều dài ti: 50cm)

### F-60M22 - S (Chiều dài ti: 30cm)

- 5 cấp độ gió, công suất 66W
- Lưu lượng gió 215 CMH
- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- Cánh quạt được gia cố thêm lúc vận hành
- Đường kính cánh: 150cm

Hộp số loại nổi

1.450.000



### F-56MZG - GO (Màu vàng ánh kim)

### F-56MZG - S (Màu bạc)

- 3 cấp độ gió, công suất 64W
- Lưu lượng gió 190 CMH
- Có remote
- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt

- Đường kính cánh 140cm
- Chiều dài ti 40cm

3.110.000

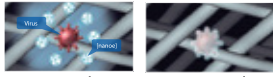


## CÔNG NGHỆ NANO<sup>™</sup>



### KHÁNG KHUẨN / NGỪA VIRUS

- Diệt 99,9% virus (H1N1) (\*1) và (H5N1) (\*2).
- Diệt 99,9% VI KHUẨN (E Coli O 157, MRSA, H)



Bao vây virus và vi khuẩn / Vô hiệu hoá virus và vi khuẩn



### KHỬ MÙI

- Giảm 90% mùi (mùi thuốc lá) chỉ sau 30 phút.



Tấn công phân tử mùi / Phân rã và loại bỏ mùi



### GIỮ ẨM DA

- Giúp cho làn da tươi mát và được giữ ẩm tốt.



## CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ECONAVI

### Kiểm tra các chất ô nhiễm

Thông qua cảm biến mùi và cảm biến bụi trong nhà khoảng 10 phút mỗi giờ ở tốc độ trung bình.



### Tìm hiểu quy luật ô nhiễm

Ghi nhớ quy luật ô nhiễm trong nhà và tự động đưa ra mô hình hoạt động làm giảm thiểu tối đa sự ô nhiễm trước khi nó phát tán trong nhà.



**Tiết kiệm điện 50%<sup>(\*)</sup>**  
So sánh với chế độ tự động

## TẮM LỌC KHÍ

### Tắm lọc khí tích hợp



Chỉ vệ sinh khô tránh tiếp xúc với nước

Tắm lọc tích hợp bao gồm bộ tấm lọc Super Alleru-buster, tinh chất Catechin trong trà xanh và Enzyme kháng khuẩn

### Tắm lọc khử mùi công nghệ Super Nano



Tắm lọc khử mùi công nghệ Super Nano giúp khử các mùi hôi như khói thuốc hay mùi thức ăn.



**SUPER alleru-buster**

vô hiệu hóa tác nhân gây dị ứng



**Tinh chất Catechin trong trà xanh**

vô hiệu hóa virus



**Enzyme kháng khuẩn**

vô hiệu hóa vi khuẩn

## MÁY LỌC KHÔNG KHÍ VÀ KHỬ MÙI nano-technology + electric =



**nanoe**

**ECONAVI**

**MEGA CATCHER**

**Humidification**



**NEW**

### F-VXK70A (Máy lọc không khí có tạo ẩm)

- Chức năng tạo ẩm có đèn báo.
- Thiết kế sang trọng, hiện đại.
- Công suất lớn, diện tích sử dụng 52m<sup>2</sup>, phù hợp cho phòng họp, phòng khách, phòng sinh hoạt chung.
- Chế độ ECONAVI tiết kiệm tới 60% năng lượng tiêu thụ, tự động điều chỉnh theo giấc ngủ.
- Công nghệ MEGACATCHER giúp làm sạch hiệu quả vùng không khí cách mặt đất 30cm, đảm bảo cung cấp không khí an toàn cho trẻ nhỏ.
- Chế độ cảm biến con người, giúp máy tự hoạt động khi có người xuất hiện.
- Lưới lọc bụi HEPA hoàn toàn mới, lọc sạch cả các bụi PM2.5 nhỏ li ti.
- Lưới lọc mùi và lưới tạo ẩm độ bền cao, tuổi thọ 10 năm.



**NEW**  
**F - VXK70A**  
**14.500.000**



**F - PXM55A**  
**12.500.000**



**F - PXL45A**  
**10.650.000**



**F - PXF35A**  
**6.600.000**



**F - PXJ30A**  
**4.300.000**

Thông số kỹ thuật	F - VXK70A	F - PXM55A	F - PXL45A	F - PXF35A	F - PXJ30A
- Lưu lượng gió (m <sup>3</sup> /min) - hi	6,7	5,5	4,5	3,5	2,8
- Điện tiêu thụ (W) - hi	66	49	42	20	30
- Độ ồn [db(A)] - hi	54	52	52	44	44
- Phạm vi hoạt động [(m <sup>2</sup> )]	52	42	33	26	20
- Công nghệ lọc	nanoe <sup>™</sup>	nanoe <sup>™</sup>	nanoe <sup>™</sup>	nanoe <sup>™</sup>	nanoe <sup>™</sup>
- Loại Mô-tơ	DC	DC	DC	DC	AC
- Hút gió 3 chiều	●	●	●	●	●
- Cảm biến sensor	Bụi và Mùi - Độ ẩm Ánh sáng-Chuyển động	Bụi và mùi Ánh sáng	Bụi và mùi Ánh sáng	Mùi	Mùi
- Đo mức độ ô nhiễm	●	●	●	●	●
- Đèn báo PM2.5	●	●	●	-	-
- Chế độ tự động	●	●	●	●	●
- Chế độ Turbo	●	●	●	●	●
- Chế độ ngủ [8 giờ]	●	●	●	●	●
- Chế độ bảo thay bộ lọc	●	●	●	●	●
- Chế độ khóa trẻ em	●	●	●	-	-
- Kích thước [C x R x S] [mm]	636x398x265	580x300x205	516x404x235	520x300x189	540x311x210
- Chế độ Econavi	●	●	●	-	-
- Điều khiển bằng remote	-	-	●	-	-
- Tuổi thọ bộ lọc [Hỗn hợp] [Khử mùi]	10 năm	10 năm	3 năm	3 năm	2 năm
- Giá bộ lọc [Hỗn hợp] [Khử mùi]		<b>1.690.000</b> <b>740.000</b>	<b>1.350.000</b> <b>800.000</b>	<b>900.000</b> <b>600.000</b>	<b>750.000</b> <b>500.000</b>

## MÁY BƠM ĐẨY CAO



**GP - 129JXK - SV5**

[Dây điện 15cm]

**GP - 129JXK - NV5**

[Dây điện 160cm + phích cắm]

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Chiều cao đẩy 21m

**1.470.000**

**1.490.000**



**GP - 200JXK - SV5**

[Dây điện 15cm]

**GP - 200JXK - NV5**

[Dây điện 160cm + phích cắm]

- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 21m
- Mô tơ dây đồng

**1.870.000**

**1.890.000**



**GP - 250JXK - SV5**

[Dây điện 15cm]

**GP - 250JXK - NV5**

[Dây điện 160cm + phích cắm]

- Công suất 250W
- Lưu lượng nước 50 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 29m
- Mô tơ dây đồng

**2.970.000**

**2.990.000**



**GP - 350JA - SV5**

[Dây điện 15cm]

**GP - 350JA - NV5**

[Dây điện 120cm + phích cắm]

- Công suất 350W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 36m
- Mô tơ dây đồng

**4.400.000**

**4.420.000**

## MÁY BƠM TĂNG ÁP



**A - 130JAK**

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Chiều cao đẩy 10m

**2.110.000**



**A - 200JAK**

- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Chiều cao đẩy 10m
- Mô tơ dây đồng

**2.450.000**



**A - 130JACK**

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Chiều cao đẩy 10m
- Mô tơ dây đồng

**2.540.000**



**A - 130JTX**

[Tính năng tạo bọt khí]

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Chiều cao đẩy 10m
- Mô tơ dây đồng

**3.640.000**



### NHỎ GON, MẠNH MẼ VÀ TIẾT KIỆM

Kiểu dáng nhỏ gọn,  
trang nhã. Động cơ  
mạnh mẽ.

### AN TOÀN VÀ TIN CẬY

Tự ngắt nguồn điện  
khi nhiệt độ bơm quá  
cao. Giảm nguy cơ  
chạm điện.

### BỀN BỈ THEO THỜI GIAN

- ▶ Hoạt động không  
ngừng suốt 8.000 giờ.
- ▶ Chất liệu thân mô tơ  
bằng nhôm đúc, nắp  
bushing đồng thau không rỉ sét.

## MÁY BƠM ĐẨY CAO

DÒNG MÁY BƠM KHÔNG TỰ ĐỘNG



1 - 2 tầng  
(8 - 10m)



**GP - 129JXK**



3 - 4 tầng  
(12 - 15m)



**GP - 200JXK**



4 - 5 tầng  
(15 - 20 m)



**GP - 250JXK**



6 - 7 tầng  
(lớn hơn 20 m)



**GP - 350JXK**

## MÁY BƠM TĂNG ÁP

DÒNG MÁY BƠM TỰ ĐỘNG



Dùng để tăng áp lực nước  
cho máy giặt, máy nước nóng  
trực tiếp và các thiết bị  
vệ sinh khác...



**A - 130JTX**



**A - 130JACK**



- Dùng cho hộ gia đình  
có nguồn nước yếu
- Bơm tăng áp lực nước cho  
đường ống khi áp lực trong  
đường ống bị giảm



**A - 130JAK**



**A - 200JAK**

MÁY NƯỚC NÓNG KHÔNG CÓ BƠM TRỢ LỰC



**DH-3RL2VH / DH-3JL4VA**

**2.990.000**

- Công suất: 3,5kW
- Thiết kế nhỏ gọn
- 1 nút vặn xoay để bật tắt
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- **Đạt tiêu chuẩn EMC**
- Đóng gói 6 cái 1 thùng



**DH-4MS1VW**

**3.490.000**

- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- **Đạt tiêu chuẩn EMC**
- Đóng gói 6 cái 1 thùng



**DH-4NS3VW**

**4.190.000**

- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế mới màu trắng trang nhã
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 6 cái 1 thùng



**DH-4NS3VW**

**4.690.000**

- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế mới màu bạc sang trọng
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Thanh trượt vòi sen cấu tạo bởi chrome chắc, mượt
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 6 cái 1 thùng

MÁY NƯỚC NÓNG CÓ BƠM TRỢ LỰC



**DH-3RP2VK / DH-3JP4VH**

**4.990.000**

- Công suất: 3,5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp (0.05 kgf/cm2)
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- **Đạt tiêu chuẩn EMC**
- Đóng gói 6 cái 1 thùng



**DH-4MP1VW**

**5.350.000**

- Công suất: 4,5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- **Đạt tiêu chuẩn EMC**
- Đóng gói 6 cái 1 thùng

Đạt tiêu chuẩn "TƯƠNG THÍCH ĐIỆN TỬ EMC" theo quy định của Nhà Nước\*

\*Theo tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 9:2012/BKHCN về tương thích điện từ (EMC)

TÍNH NĂNG AN TOÀN



**ELCB chống giật**

Tuyệt đối an toàn nhờ ngắt 2 dây trung tính và dây nóng khi có rò rỉ dòng. Nguồn điện tự động ngắt ngay khi có rò rỉ dòng vượt quá 15mA.



**Cảm ứng dòng nước**

Tự động ngắt nhiệt trong trường hợp dòng nước quá yếu.



**Vỏ máy chống tia nước phun**

- Chống nước phun vào máy.
- Đáp ứng chuẩn an toàn IP25.



**Kiểm soát nhiệt độ**

Tự động ngắt nhiệt khi nhiệt độ nước vượt quá mức ấn định.



**Bộ điều chỉnh nhiệt tự động**

Tự động ngắt nguồn điện nếu bộ phận kiểm soát nhiệt độ không hoạt động khi nhiệt độ nước vượt quá mức ấn định.



**Một nút nhấn On/Off**

Một nút nhấn để ngắt nguồn điện và nguồn nước.



**Vật liệu chống cháy**

Vỏ máy làm bằng nguyên liệu chống cháy.



**Vỏ bình nung bằng nguyên liệu polyamide gia cường chống cháy**

Bền bỉ và an toàn cao, giảm thiểu tình trạng rò rỉ nước bất thường.

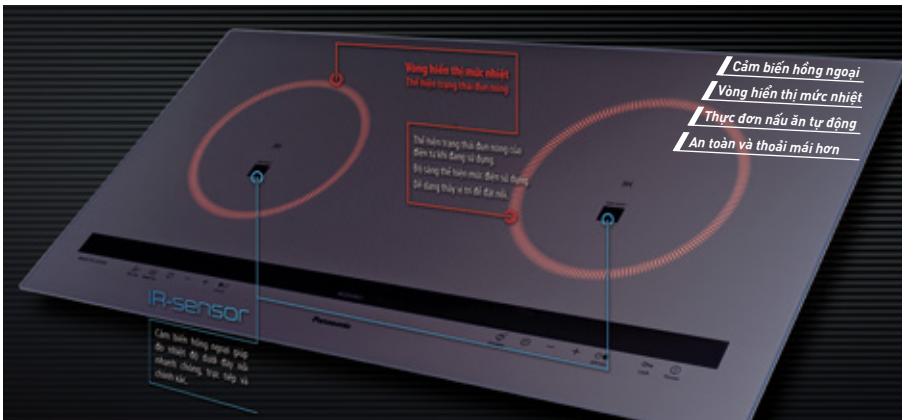


**Kết cấu cách điện Chống sốc điện**

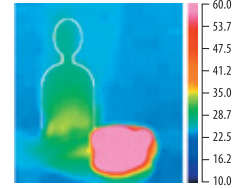
**An toàn**  
thách thức mọi biến cố

### BẾP ĐIỆN TỬ / QUẠT HÚT MÙI

#### SẢN XUẤT TẠI NHẬT BẢN



#### Bếp không bị nóng



Gian bếp không bị nóng vì bếp từ chỉ làm nóng dụng cụ nấu ăn. Và việc không dùng lửa có nghĩa là bạn có thể thoải mái mở cửa sổ và tận hưởng gió mát

#### An toàn



Biểu hiện	Thời gian tắt tự động
Trên bếp không có nồi, đồng thời không ai chạm tay vào nút điều khiển nào	Sau 1 phút [xấp xỉ]
Đun nóng nồi không có thức ăn	Sau 15 phút [xấp xỉ]
Không ai chạm vào bất kỳ nút điều khiển nào	Sau 45 phút [xấp xỉ]

Mã sản phẩm	KY-C227D	25.990.000	KY-A227D	22.990.000
Màu mặt trên	Xám		Đen	
Màu thân	Đen		Đen	
Kích thước mm	742(R)*400(S)*107(C)			
Kích thước cửa lỗ mm	710(R)*368(S)			
Điện vào	2,800W - 13A		2,800W - 13A	
Công suất (tối đa)	Trái	Phải	Trái	Phải
	2.800W	2.800W	2.800W	1.800W
Cấp độ điều chỉnh nhiệt	9	9	9	8
Cảm biến hồng ngoại	0	0	0	-
Thực đơn nấu tự động	Rán chảo ít dầu/ Rán chảo nhiều dầu	Nấu cháo	-	Nấu cháo
Vòng hiển thị mức nhiệt	0	0	-	-
Công nghệ ECONAVI	0		-	
Điều khiển	Cảm ứng		Cảm ứng	
Hiển thị mức nhiệt	Số		Số	
Khóa an toàn	0	0	0	0
Đèn báo nhiệt độ cao	0	0	0	0
Chế độ tự động tắt	0	0	0	0
Hẹn giờ	0	0	0	0
Xuất xứ	Nhật Bản		Nhật Bản	

#### Thiết kế cuộn kép



Cấp điện đồng thời cho cả cuộn trong và cuộn ngoài, giúp tạo nhiệt độ đồng đều và ổn định.

#### MỚI Tính Năng Mới

##### CẢM BIẾN HỒNG NGOẠI

Cảm biến hồng ngoại giúp đo nhiệt độ dưới đáy nồi nhanh chóng, trực tiếp và chính xác.



Xác định chính xác nhiệt độ dưới đáy nồi nhờ cảm biến hồng ngoại.

##### ECONAVI



Chương trình điều khiển tăng nhiệt độ nhanh chóng và chính xác theo yêu cầu, duy trì ở mức mong muốn.



Đem lại màu nâu sậm đồng nhất cho món ăn.



Khi thức ăn trong nồi nguội đi, bếp tăng nhiệt nhanh chóng để duy trì nhiệt độ ở mức cần thiết.

#### Điều chỉnh nhiệt độ chính xác theo cách nấu ăn



### QUẠT HÚT MÙI DÙNG ỐNG DẪN / 02 ĐỘNG CƠ

Model	FV-70HQU1-S	FV-70HQU1-GO
	(màu bạc)	(màu vàng kim)
Công suất (W)	140	
Lưu lượng gió (CMH)	730	
Độ ồn (dB)	53	
Đường kính lỗ trần (ø)	15 cm	
Cấp tốc độ	2	
Điều khiển bằng	Cần gạt	
	2 động cơ	Hoạt động độc lập
Chiều dài 70cm	<b>6.900.000</b>	

Model	FV-70HQD1-S	FV-70HQD1-GO
	(màu bạc)	(màu vàng kim)
Công suất (W)	140	
Lưu lượng gió (CMH)	730	
Độ ồn (dB)	53	
Đường kính lỗ trần (ø)	15 cm	
Cấp tốc độ	3	
Điều khiển bằng	Nút nhấn	
	2 động cơ	Hoạt động đồng thời
Chiều dài 70cm	<b>7.780.000</b>	

Ánh sáng rực

Đèn giúp đảm bảo khu vực mong muốn được chiếu sáng đúng cách nhất.

Ánh sáng tỏa đều

Công nghệ phân bổ ánh sáng độc đáo của Panasonic chiếu sáng nhẹ nhàng và tỏa đều.

Ánh sáng tự nhiên

Với độ diễn sắc cao (Ra 83), ánh sáng phát ra rất gần vs ánh sáng tự nhiên, sáng rõ hình ảnh trên tạp chí, sách, vv... và mang lại màu sắc thật, tự nhiên của các vật thể được chiếu sáng. Hiện tượng bóng đổ nhòa ở các đèn LED thường đã được loại bỏ, khiến cho việc đọc chữ thuận tiện hơn.



Hiện tượng bóng đổ ở các đèn LED thường



Đèn bàn LED "Yêu đôi mắt"

ĐÈN BÀN LED - Tuổi thọ 20.000 giờ



**NNP60900 (Trắng)**  
**NNP60901 (Đen)**  
**NNP60902 (Xanh)**

Thiết kế gọn & có thể gấp đèn sau khi sử dụng.  
Ánh sáng trắng tự nhiên không gây lóa mắt, tùy chỉnh độ sáng bằng cảm ứng  
Sử dụng cổng sạc USB  
Tiết kiệm điện năng - 4.5W

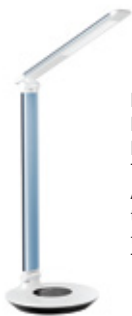
745.000



**NNP60940 (Trắng)**  
**NNP60941 (Đen)**  
**NNP60946 (Hồng)**

Thiết kế cực gọn & thanh lịch  
Ánh sáng trắng tự nhiên không gây lóa mắt, tùy chỉnh độ sáng bằng cảm ứng  
Sử dụng cổng sạc USB  
Tiết kiệm điện năng - 4.5W

1.140.000



**NNP61922 (Xanh)**  
**NNP61923 (Bạc)**  
**NNP61925 (Xám)**

Thiết kế gọn & có thể gấp đèn sau khi sử dụng.  
Ánh sáng trắng tự nhiên không gây lóa mắt, tùy chỉnh độ sáng với 6 cấp độ sáng khác nhau  
Đầu đèn có thể xoay được 90 độ  
Tiết kiệm điện năng - 6W

1.410.000



**NNP63933 (Bạc)**  
**NNP63934 (Vàng)**  
**NNP63935 (Xám)**

Thiết kế giúp điều chỉnh nguồn sáng một cách linh hoạt  
Ánh sáng trắng tự nhiên không gây lóa mắt, điều chỉnh độ sáng bằng cảm ứng theo ý muốn  
Cổng USB có thể sử dụng để sạc cho các thiết bị điện tử  
Tiết kiệm điện năng - 9W  
**3 chế độ, công dụng định sẵn:** đọc sách, làm việc, thư giãn  
Ngoài tùy chỉnh ánh sáng, đèn này có thêm **7 bước điều chỉnh ánh sáng**

2.340.000

ĐÈN BÀN LED - Tuổi thọ 40.000 giờ



**SQ - LD300 - A (Xanh Dương)**  
**SQ - LD300 - P (Hồng)**  
**SQ - LD300 - W (Trắng)**

Thiết kế nhỏ gọn & có thể gấp lại sau khi sử dụng  
Tùy chỉnh độ sáng với 5 cấp độ sáng khác nhau  
Độ sáng ổn định, không tạo bóng nhòe  
Tiết kiệm điện năng - 7W

1.930.000



**SQ - LD221 - R (Đỏ)**  
**SQ - LD221 - S (Bạc)**

Thiết kế giúp điều chỉnh nguồn sáng một cách linh hoạt  
Độ sáng rất ổn định & không tạo bóng nhòe  
Góc độ sáng rộng  
Tùy chỉnh độ sáng với 5 cấp độ sáng khác nhau

1.430.000



**SQ - LE530 - W (Trắng)**  
**SQ - LE530 - H (Xám đậm)**

Đổi màu đèn LED bằng cách đóng hoặc mở cần đèn

Một chiếc đèn 2 công dụng :

- Ánh sáng trắng ấm để thư giãn
- Ánh sáng trắng để đọc sách, làm việc

Tùy chỉnh độ sáng với 5 cấp độ sáng khác nhau  
Công suất 7W

3.620.000

### ĐÈN TRẦN LED ĐA NĂNG (SCENE)



#### HH-LAZ502288

Công suất 79W/ 0,37A/ AC220 - 240V  
 Kích thước Ø800mm/ H160mm/ 6,5 Kg  
 Quang hiệu: 63,3lm/W(5000lm/79W), CRI: Ra85  
 Chiều trục diện: 5000lm. Chiều gián tiếp: 600lm.  
 Chiều điểm: 300lm  
 Kèm remote đổi màu (100% - 5%), đổi màu ánh sáng vàng  
 Tuổi thọ nguồn sáng 40.000 giờ (LLMF: 70%)  
 Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa - bình thường - đèn ngủ)

14.850.000

### ĐÈN TRẦN LED BÁO THỨC (ASSA)



#### HH-LAZ303488

Công suất 49W/ 0,23A/ AC220 - 240V  
 Kích thước Ø620mm/ H138mm/ 3,1Kg  
 Quang hiệu: 77,6lm/W, CRI: Ra85 (3800lm/49W)  
 Kèm remote đổi màu (100% - 5%), đổi màu ánh sáng vàng  
 Báo thức bằng ánh sáng & chuông reo  
 Tuổi thọ nguồn sáng 40.000 giờ (LLMF: 70%)  
 Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa - bình thường - đèn ngủ)

9.050.000

### ĐÈN TRẦN LED CỖ LỚN



#### HH-LAZ306988

Công suất 46W/ 0,22A/ AC220 - 240V  
 Kích thước Ø660mm/ H123,6mm/ 3,2Kg  
 Quang hiệu: 83lm/W, CRI: Ra80 (3800lm/46W)  
 Chụp đèn Acrylic màu trắng sữa. Khung kép trắng.  
 Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa - bình thường - đèn ngủ)  
 Tuổi thọ nguồn sáng 40.000 giờ (LLMF: 70%)  
 Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu ánh sáng trắng vàng

7.300.000

### Đèn Trần Led Đa Năng (Scene)

Bạn có thể thay đổi cảnh chiếu sáng bất kỳ lúc nào bằng remote



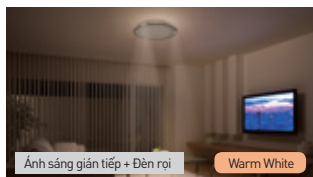
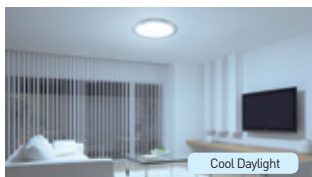
#### [ Bình thường - Normal ]

Chiếu sáng toàn bộ phòng.  
 • Khuyến nghị sử dụng màu Cool Daylight trong mùa hè hoặc vào buổi sáng.  
 • Khuyến nghị sử dụng màu Warm White trong mùa đông hoặc vào buổi tối.



#### [ Rạp hát - Theater ]

Tạo cảnh như trong rạp hát.  
 • Chiếu sáng bức tường đằng sau TV để giảm mỏi mắt.  
 • Đèn rọi spotlight tạo không gian kéo mọi người gần nhau.



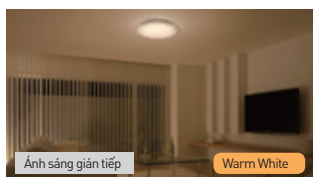
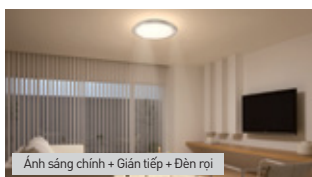
#### [ Gia đình - Family ]

Chiếu sáng khu vực chính của căn phòng.  
 • Tăng độ sáng của khu vực chính trong khi tắt ánh sáng ra toàn bộ căn phòng.  
 • Đèn rọi spotlight tạo không gian kéo mọi người gần nhau hơn.



#### [ Thư giãn - Relax ]

Tạo một không gian êm đềm.  
 • Tạo hiệu ứng bóng đổ để tăng thêm cảm giác thư giãn.  
 • Tạo một không gian ánh sáng tập trung với các chùm sáng.



### Đèn Trần Led Báo Thức (Assa)

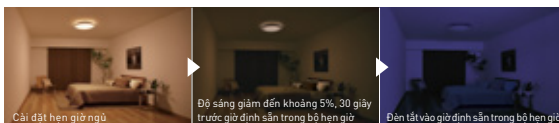
Ánh sáng buổi tối



NGỦ  
30 phút / 15 phút

Bộ phận hẹn giờ ngủ sẽ tự động tắt đèn khi đến giờ ngủ.

Đèn sẽ giảm độ sáng đến khoảng 5% trong 30 giây trước khi đến giờ định sẵn trong bộ hẹn giờ. Khi đó bạn sẽ có đủ thời gian để cất kính mắt, để sách của bạn lên bàn đầu giường, v.v. trước khi đến tắt chuẩn bị chìm vào giấc ngủ.



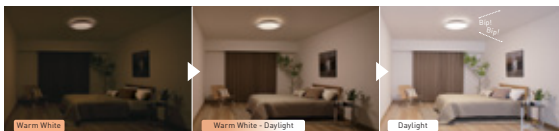
Ánh sáng thức dậy



BỘ HẸN GIỜ

Giống như mặt trời đang lên, màu sắc ánh sáng sẽ dần thay đổi và căn phòng sẽ sáng lên giúp bạn thức dậy cảm thấy sáng khoái.

30 phút hoặc 15 phút trước giờ định sẵn trong bộ hẹn giờ, độ sáng và màu sắc ánh sáng sẽ dần thay đổi giống như mặt trời buổi sáng đang lên. Vào giờ định sẵn, báo thức sẽ kêu. Ánh sáng và âm thanh kết hợp đồng bộ để nhẹ nhàng đánh thức bạn một cách sáng khoái.



### ĐÈN CHÙM LED



#### HH-LAZ300219

Công suất 47,2W/ 0,22A/ AC220 - 240V  
 Kích thước Ø600mm/ H93mm/ 7,0 Kg  
 Chất liệu crom với mặt thủy tinh trang trí giác cắt  
 Tuổi thọ nguồn sáng 40.000 giờ (LLMF: 70%)  
 Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa - bình thường - đèn ngủ)  
 Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu ánh sáng vàng  
 Quang hiệu: 74,2lm/W (3500lm/ 47,2W)

10.650.000



#### HH-LAZ300319

Công suất 47,2W/ 0,22A/ AC220 - 240V  
 Kích thước Ø600mm/ H200mm/ 8,7 Kg  
 Chất liệu crom với mặt thủy tinh trang trí giác cắt  
 Tuổi thọ nguồn sáng 40.000 giờ (LLMF: 70%)  
 Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa - bình thường - đèn ngủ)  
 Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu ánh sáng vàng  
 Quang hiệu: 74,2lm/W (3500lm/ 47,2W)

14.600.000



#### HH-LAZ5012K88 (tắt an toàn)

Công suất 66W/ 0,3A/ AC220 - 240V  
 Kích thước Ø700mm/ H200mm/ 10Kg  
 Chụp đèn acrylic màu trắng sữa  
 Khung bạc, trang trí giác cắt thủy tinh  
 Tuổi thọ nguồn sáng 40.000 giờ (LLMF: 70%)  
 Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa - bình thường - đèn ngủ)  
 Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu ánh sáng vàng  
 Quang hiệu: 71,2lm/W (4700lm/ 66W), CRI: Ra85

11.600.000

## ĐÈN TRẦN LED VUÔNG - Tuổi thọ 40.000 giờ



**HH-LA0606CC88**

Đèn trần LED vuông cỡ nhỏ  
Công suất: 8W/ 0.07A/ AC220 - 240V  
Kích thước: L209mm x W209mm x H68.5mm / 0.67kg  
(Ánh sáng trắng 6500K - 550lm - 68.8lm/W)

**910.000**



**HH-LAZ504988**

Đèn trần LED mảng vuông lớn (có remote)  
Công suất: 68W/ 0.31A/ AC220 - 240V  
Kích thước: L900mm x W734mm x H104mm / 8.6kg  
(Ánh sáng trắng 6500K/ vàng 3000k - 5000lm - 73.5lm/W)  
Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%)  
và đổi màu ánh sáng

**13.650.000**



**HH-LB1150188**

Đèn trần LED treo mảng vuông  
Công suất: 19W/ 0.16A/ AC220 - 204V  
Kích thước: L540mm x W540mm x H104mm / 6.2kg  
(Ánh sáng vàng 3000K - 1600lm - 84.2lm/W)

**11.400.000**

## ĐÈN TRẦN VUÔNG CỖ TRUNG - Tuổi thọ 40.000 giờ



**HH-LA157888**

(Ánh sáng trắng 6500K) 85,7lm/W

**HH-LA157788**

(Ánh sáng vàng 2700K) 85,7lm/W  
Đèn LED loại trung 21W, Ø460/ H120 / 2,2 Kg  
85,7lm/W, AC220V - 240V, CRI: Ra85, 1800lm/21W

**2.990.000**



**HH-LA157688**

(Ánh sáng trắng 6500K)

**HH-LA157488**

(Ánh sáng vàng 2700K)  
Đèn LED loại trung 21W, Ø460/ H120 / 2,2Kg  
85,7lm/W, AC220V - 240V, CRI: Ra85, 1800lm/21W

**2.990.000**



**HH-LA1638DB88**

Đèn trần LED vuông  
Công suất: 19W/ 0.16A/ AC220 - 240V  
Kích thước: L490mm x W490mm x H112.5mm / 3.2kg  
(Ánh sáng trắng 5000K - 1600lm - 84.2lm/W)  
Góc viền kim loại.

**3.100.000**

## BÓNG ĐÈN LED - Đuôi E27

Thân thiện với môi trường (Không chứa Thủy Ngân)

Bật sáng tức thời - Bảo hành 30 tháng - Bật tắt: 50.000 lần - Tuổi thọ: 15.000 giờ



	W	Ánh sáng	Lumen	Góc chiếu	Giá
LDAHV4DG4A	3.5	Trắng	350	200	<b>120.000</b>
LDAHV4LG4A	3.5	Vàng	350	200	<b>120.000</b>
LDAHV7DG4A	6.5	Trắng	650	200	<b>160.000</b>
LDAHV7LG4A	6.5	Vàng	600	200	<b>160.000</b>
LDAHV8DG4A	8	Trắng	850	200	<b>185.000</b>
LDAHV8LG4A	8	Vàng	800	200	<b>185.000</b>
LDAHV12DG4A	12	Trắng	1300	200	<b>245.000</b>
LDAHV12LG4A	12	Vàng	1250	200	<b>245.000</b>

\*\*\* Lưu ý: Không dùng chung với Dimmer



**HH-LA1640DB88**

Đèn trần LED vuông  
Công suất: 19W/ 0.16A/ AC220 - 240V  
Kích thước: L466mm x W466mm x H112.5mm / 3.2kg  
(Ánh sáng trắng 5000K - 1600lm - 84.2lm/W)

**2.960.000**

### ĐÈN TRẦN LED CỖ LỚN



#### HH-LAZ307388

Công suất 46W/ 0,22A/ AC220 - 240V  
 Kích thước Ø580mm/ Dày 123mm/ Trọng lượng 3,2Kg  
 Chụp đèn acrylic màu trắng sữa  
 Chóa trang trí lõm màu xanh dương  
 Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa - bình thường - đèn ngủ)  
 Tuổi thọ nguồn sáng 40.000 giờ (LLMF: 70%)  
 Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu ánh sáng trắng vàng  
 Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng  
 Quang hiệu 76,1lm/W (3500lm/ 46W), CRI: Ra85

6.650.000



#### HH-LAZ307288

Công suất 46W/ 0,22A/ AC220 - 240V  
 Kích thước Ø580mm/ Dày 123mm/ Trọng lượng 3,2Kg  
 Chụp đèn acrylic màu trắng sữa  
 Chóa trang trí lõm trong  
 Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa - bình thường - đèn ngủ)  
 Tuổi thọ nguồn sáng 40.000 giờ (LLMF: 70%)  
 Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu ánh sáng trắng vàng  
 Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng  
 Quang hiệu 76,1lm/W (3500lm/ 46W), CRI: Ra85

6.650.000



#### HH-LAZ502088

Công suất 66W/ 0,3A/ AC220 - 240V  
 Kích thước Ø740mm/ Dày 163mm/ Trọng lượng 5,6 Kg  
 Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền gỗ  
 Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa - bình thường - đèn ngủ)  
 Tuổi thọ nguồn sáng 40.000 giờ (LLMF: 70%)  
 Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu ánh sáng trắng vàng  
 Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng  
 Quang hiệu 71,2lm/W (4700lm/66W), CRI: Ra85

11.700.000



#### HH-LAZ307488

Công suất 46W/ 0,22A/ AC220 - 240V  
 Kích thước Ø640mm/ Dày 123mm/ Trọng lượng 3,2Kg  
 Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền trắng trong  
 Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa - bình thường)  
 Tuổi thọ nguồn sáng 40.000 giờ (LLMF: 70%)  
 Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu ánh sáng trắng vàng  
 Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng  
 Quang hiệu 76,1lm/W (3500lm/46W), CRI: Ra85

6.650.000



#### HH-LAZ307588

Công suất 46W/ 0,22A/ AC220 - 240V  
 Kích thước Ø640mm/ Dày 123mm/ Trọng lượng 3,2Kg  
 Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền màu nâu trong  
 Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa - bình thường)  
 Tuổi thọ nguồn sáng 40.000 giờ (LLMF: 70%)  
 Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu ánh sáng trắng vàng  
 Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng  
 Quang hiệu 76,1lm/W (3500lm/46W), CRI: Ra85

6.650.000



#### HH-LAZ5008K88 (tắt an toàn)

Công suất 66W/ 0,22A/ AC220 - 240V  
 Kích thước Ø766mm/ Dày 160mm/ Trọng lượng 5,2 Kg  
 Chụp đèn acrylic màu trắng sữa  
 Viền bạc trang trí thủy tinh  
 Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa - bình thường - đèn ngủ)  
 Tuổi thọ nguồn sáng 40.000 giờ (LLMF: 70%)  
 Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu ánh sáng trắng vàng  
 Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng  
 Quang hiệu 71,2lm/W (4700lm/66W), CRI: Ra85

10.300.000



#### HH-LAZ3006K88 (tắt an toàn)

[Khung viền bạc mạ crom]

#### HH-LAZ3005K88 (tắt an toàn)

[Khung viền trắng mạ crom]

Công suất 47,2W/ 0,22A/ AC220 - 240V  
 Kích thước Ø800mm/ Dày 159mm/ Trọng lượng 5,0Kg  
 Chụp đèn acrylic màu trắng sữa  
 Khung viền vân khối mạ crom  
 Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa - bình thường - đèn ngủ)  
 Tuổi thọ nguồn sáng 40.000 giờ (LLMF: 70%)  
 Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu ánh sáng trắng vàng. Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng  
 Quang hiệu 74,2lm/W (3500lm/ 47,2W), CRI: Ra85

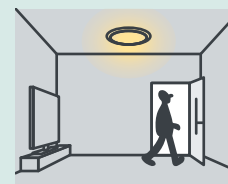
7.990.000

### Tắt An Toàn

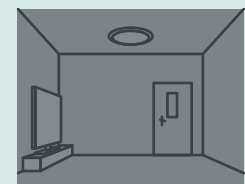
Khi tắt đèn, ánh sáng vẫn còn lại trong phòng khoảng 30 giây cho đến khi người sử dụng rời khỏi căn phòng.



Nhấn nút "Off"



5% ánh sáng trong 30 giây



Tự động tắt sau 30 giây (Chủ động tắt bằng cách nhấn nút "Off một lần nữa)



## ĐÈN TRẦN LED CỠ TRUNG - Tuổi thọ 40.000 giờ



Đèn trần LED loại trung, khung viền vân khối 19W  
AC220-240V, Ø500mm/ H96mm/ 1,25 Kg, CRI: Ra85

**HH-LA152319**

(Ánh sáng vàng 2700K - 72,6lm/W) 1380lm/19W

**HH-LA152519**

(Ánh sáng trắng 6500K - 84,2lm/W) 1600lm/19W

**2.790.000**



Đèn trần LED loại trung, khung viền bạc 19W  
AC220-240V, Ø500mm/ H96mm/ 1,25 Kg, CRI: Ra85

**HH-LA152619**

(Ánh sáng vàng 2700K - 72,6lm/W) 1380lm/19W

**HH-LA152819**

(Ánh sáng trắng 6500K - 84,2lm/W) 1600lm/19W

**2.790.000**



Đèn trần LED loại trung, khung viền crom 19W  
AC220-240V, Ø470mm/ H96mm/ 1,35 Kg, CRI: Ra85

**HH-LA152919**

(Ánh sáng vàng 2700K - 72,6lm/W) 1380lm/19W

**HH-LA153119**

(Ánh sáng trắng 6500K - 84,2lm/W) 1600lm/19W

**2.790.000**



**HH-LAZ172688**

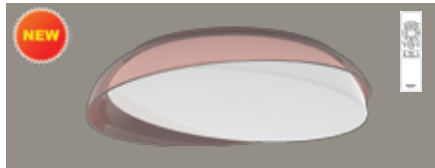
Đèn trần LED tròn (có remote)  
Công suất: 19W/ 0.15A/ AC220 - 204V

Kích thước: Ø488mm x H96.2mm / 4.1kg

(Ánh sáng trắng 5000K - 1600lm - 84.2lm/W)

Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%)

**4.250.000**



**HH-LAZ175088**

Đèn trần LED tròn (có remote)  
Công suất: 21W/ 0.175A/ AC220 - 204V

Kích thước: Ø512mm x H108mm / 3.0kg

(Ánh sáng trắng 6500K / vàng 3000k - 1600lm - 76.2lm/W)

Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%)

**4.850.000**



**HH-LAZ167088**

Đèn trần LED tròn (có remote)  
Công suất: 21W/ 0.175A/ AC220 - 204V

Kích thước: Ø607mm x H99mm / 5kg

(Ánh sáng trắng 6500K / vàng 3000k - 1600lm - 76.2lm/W)

Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%)

**4.950.000**

## ĐÈN TRẦN LED CỠ NHỎ



Đèn trần LED cỡ nhỏ 15W - AC220 - 240V, Ø357mm/ H80mm  
Chụp đèn nhựa acrylic, viền chỉ bạc

**HH-LA100219**

(Ánh sáng trắng 6500K - 66,7lm/W) 1000lm/15W

**1.990.000**

**HH-LA100519**

(Ánh sáng vàng 2700K - 56,6lm/W) 850lm/15W

**1.990.000**



Đèn trần LED cỡ nhỏ 15W - AC220 - 240V, Ø350mm/ H80mm  
Chụp đèn nhựa acrylic

**HH-LA100119**

(Ánh sáng trắng 6500K - 66,7lm/W) 1000lm/15W

**1.670.000**

**HH-LA100419**

(Ánh sáng vàng 2700K - 56,6lm/W) 850lm/15W

**1.670.000**



Đèn trần LED tròn cỡ nhỏ

**HH-LA1038CC88**

Công suất: 11W/ 0.1A/ AC220 - 240V

Kích thước: Ø317mm x H80mm / 1kg

(Ánh sáng trắng 6500K - 1000lm - 90.9lm/W)

**1.510.000**

## ĐÈN TRẦN Kín nước led



**HH-LA062088**

Ánh sáng trắng 6500K. kín nước IP64. Tuổi thọ 20.000 giờ

Công suất: 9W/0,07A/ AC220-240V

Quang hiệu: 76lm/W, CRI: Ra82 (680lm/9W)

Chụp đèn Acrylic màu trắng sữa, đế viền trắng.

Kích thước Ø270mm/H90/0,9kg

**1.040.000**



**HH-LA0619CC88**

Đèn trần LED tròn kín nước IP64. Tuổi thọ 20.000 giờ

Công suất: 8W/ 0.07A/ AC220 - 240V

(Ánh sáng trắng 6500K - 550lm - 68.8lm/W)

Kích thước: Ø258mm x H68.5mm / 0.73kg

**1.150.000**

## ĐÈN TRẦN LED



Dạng tròn, trắng trơn, Tuổi thọ 25.000 giờ

**NNP52600**

**850.000**

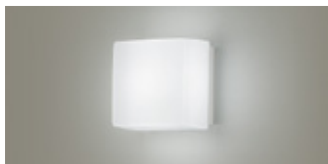
Ánh sáng trắng 6500K - 82.31m/W,  
CRI: Ra80(1127lm/15W), AC220-240V,  
Ø300mm/H73/0.61kg

**NNP52700**

Ánh sáng trắng 6500K - 78.21m/W,  
CRI: Ra80(1502lm/20W), AC220-240V,  
Ø400mm/H73/0.61kg

**1.090.000**

### ĐÈN TRANG TRÍ LED - Lắp tường và lắp trần, tuổi thọ 40.000 giờ, tương đương 60W sợi đốt



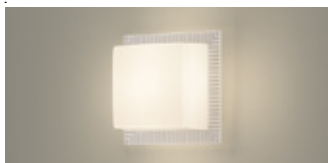
**HH-LW6010419**  
 (Ánh sáng trắng 6500K - 53.1 lm/W)  
**HH-LW6020419**  
 (Ánh sáng vàng 2700K - 49.1 lm/W)  
 Công suất 5,5W  
 Đường kính 140mm/ Dày 95mm/ Nặng 0,5 Kg  
 Chụp đèn bằng nhựa trắng đục acrylic

**865.000**



**HH-LW6010519**  
 (Ánh sáng trắng 6500K - 53.1 lm/W)  
**HH-LW6020519**  
 (Ánh sáng vàng 2700K - 49.1 lm/W)  
 Công suất 5,5W  
 Đường kính 168mm/ Dày 96mm/ Nặng 0,6 Kg  
 Chụp đèn bằng nhựa trắng đục acrylic  
 Viên vuông xám khói

**1.065.000**



**HH-LW6010619**  
 (Ánh sáng trắng 6500K - 53.1 lm/W)  
**HH-LW6020619**  
 (Ánh sáng vàng 2700K - 49.1 lm/W)  
 Công suất 5,5W  
 Đường kính 168mm/ Dày 96mm/ Nặng 0,6 Kg  
 Chụp đèn bằng nhựa trắng đục acrylic  
 Viên vuông trong suốt

**1.065.000**



**HH-LW6010719**  
 (Ánh sáng trắng 6500K - 53.1 lm/W)  
**HH-LW6020719**  
 (Ánh sáng vàng 2700K - 49.1 lm/W)  
 Công suất 5,5W  
 Đường kính 168mm/ Dày 96mm/ Nặng 0,6 Kg  
 Chụp đèn bằng nhựa trắng đục acrylic  
 Viên vuông trắng nhám

**1.065.000**

### ĐÈN TREO BÀN ĂN - Sử dụng bóng E27

- Giá không bao gồm bóng



**HH-LM101988**  
 Công suất: sử dụng bóng E27 (Max 11W)  
 AC200 - 240V - Tuổi thọ: 15.000 giờ  
 Kích thước: D275mm x H255mm / 2.5kg  
 Tầm treo 400 - 1960mm/ chụp ngoài bằng thủy tinh trắng

**2.570.000**



**HH-LM101888**  
 Công suất: sử dụng bóng E27 (Max 11W)  
 AC200 - 240V - Tuổi thọ: 15.000 giờ  
 Kích thước: D480mm x H290mm / 3.1kg  
 Tầm treo 400 - 1960mm/ chụp ngoài bằng nhựa trắng

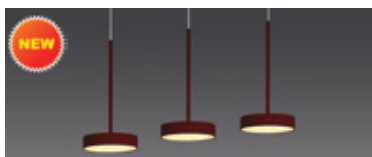
**3.980.000**

### ĐÈN TREO BÀN ĂN LED - Tuổi thọ 40.000 giờ



**HH-LB1090388**  
 Công suất 17W/ 0,137A/ AC 220 - 240V  
 Đèn LED ánh sáng vàng 3000K/1000lm/58.8lm/W  
 D140mm x H30mm x 3pcs/ W600mm / 3.1kg  
 Tầm treo 1100mm - 1300mm  
 Dây treo nhựa trắng

**5.090.000**



**HH-LB1090588**  
 Công suất 17W/ 0,137A/ AC 220 - 240V  
 Đèn LED ánh sáng vàng 3000K - 1000lm - 58.8lm/W  
 D140mm x H30mm x 3pcs/ W600mm / 3.1kg  
 Tầm treo 1108mm - 1300mm  
 Dây treo nhựa đỏ

**5.090.000**



**HH-LB1050288**  
 Công suất 8W/ 0,13A/ AC 220 - 240V  
 Đèn LED ánh sáng vàng 2700K/56lm/W  
 Đường kính Ø500mm/ Cao 110mm/ Nặng 2,5Kg  
 Tầm treo 1300mm/ chụp ngoài bằng kim loại, chụp trong nhựa trắng sữa

**4.310.000**



**HH-LB1050188**  
 Công suất 8W/ 0,13A/ AC 220 - 240V  
 Đèn LED ánh sáng vàng 2700K/56lm/W  
 Đường kính Ø500mm/ Cao 110mm/ Nặng 2,5Kg  
 Tầm treo 1300mm/ chụp ngoài bằng kim loại, chụp trong nhựa trắng sữa

**4.310.000**

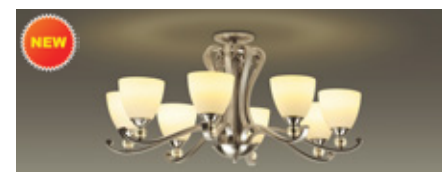


**HH-LB3100188**  
 Công suất 18,6W/ 0,95A/ AC 220 - 240V  
 Đèn LED ánh sáng vàng 2700K/48,4lm/W/ W700  
 Đường kính Ø120mm/ Cao 141mm/ Nặng 2,5Kg  
 Tầm treo 1300mm, nắp bảo vệ chip LED bằng thủy tinh

**6.990.000**

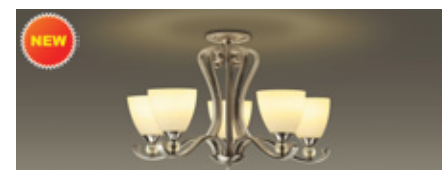
### ĐÈN TRANG TRÍ

Sử dụng bóng E27 - Giá không bao gồm bóng



**HH-LM800388**  
 Đèn chùm 8 nhánh  
 Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max 11W)/ AC 220 - 240V  
 Kích thước: D808mm x H480mm / 12.45kg  
 Khung sườn chất liệu kim loại bạc, chóa đèn bằng sứ

**13.750.000**



**HH-LM500388**  
 Đèn chùm 5 nhánh  
 Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max 11W)/ AC 220 - 240V  
 Kích thước: D625mm x H465mm / 8.95kg  
 (Ánh sáng trắng 6500K/ vàng 3000k - 5000lm - 73.5lm/W)  
 Khung sườn chất liệu kim loại bạc, chóa đèn bằng sứ

**8.550.000**



**HH-HW100388**  
 Đèn treo tường khung đen  
 Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max 11W)/ AC 220 - 240V  
 Kích thước: D160mm x H240mm / 1.58kg  
 Khung sườn chất liệu kim loại đen, chóa đèn bằng sứ

**1.720.000**



**HH-LM100388**  
 Đèn treo tường khung bạc  
 Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max 11W)/ AC 220 - 240V  
 Kích thước: D134mm x H226mm / 1.95kg  
 Khung sườn chất liệu kim loại bạc, chóa đèn bằng sứ

**1.420.000**

## DOWNLIGHT LED ĐIỀU CHỈNH GÓC CHIẾU

Góc chiếu 24° - Tuổi thọ 30.000 giờ  
Công suất 7W - 220V, Ø75/H32



**NNP21101**  
465lm - ánh sáng vàng 2700K  
**NNP21102**  
465lm - ánh sáng trắng 6500K

**575.000**

### Downlight LED Tròn - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 25.000 giờ

Công suất 5W-220V, Ø95mm/H55  
**ADL11R053** - 300lm - Ánh sáng vàng 3000K  
**ADL11R057** - 360lm - Ánh sáng trắng 6500K

**200.000**



Công suất 10W-220V, Ø95mm/H55  
**ADL11R103** - 560lm - Ánh sáng vàng 3000K

**299.000**

Công suất 15W-220V, Ø176mm/H70  
**ADL11R153** - 1000lm - Ánh sáng vàng 3000K  
**ADL11R157** - 1200lm - Ánh sáng trắng 6500K

**340.000**

Công suất 20W-220V, Ø200mm/H70  
**ADL11R203** - 1400lm - Ánh sáng vàng 3000K  
**ADL11R207** - 1600lm - Ánh sáng trắng 6500K

**380.000**

## LED DOWNLIGHT - 40.000 giờ



**Downlight công suất lớn - CRI: Ra80**  
Công suất lớn 15W, Ø150  
**HH - LD4090119** - 1.040lm - Ánh sáng vàng 2.700K  
**HH - LD2090119** - 1.090lm - Ánh sáng trắng 6.500K

**1.200.000**

## LED DOWNLIGHT PANEL TRÒN - 20.000 giờ

Thời gian dự kiến có hàng: tháng 12/2017

Công suất 6W-220V, Ø105mm/H21mm  
**NNP712563** - 360lm - Ánh sáng vàng 3000k  
**NNP712663** - 360lm - Ánh sáng trắng 6500k

**185.000**

NEW



Công suất 8W-220V, Ø105mm/H21mm  
**NNP722563** - 500lm - Ánh sáng vàng 3000k  
**NNP722663** - 500lm - Ánh sáng trắng 6500k

**210.000**

Công suất 12W-220V, Ø155mm/H21mm  
**NNP735563** - 850lm - Ánh sáng vàng 3000k  
**NNP735663** - 850lm - Ánh sáng trắng 6500k

**285.000**

Công suất 15W-220V, Ø170mm/H21mm  
**NNP745563** - 1080lm - Ánh sáng vàng 3000k  
**NNP745663** - 1080lm - Ánh sáng trắng 6500k

**370.000**

## LED DOWNLIGHT ONE-CORE - Sử dụng công nghệ 1 lõi LED, tiết kiệm điện, 40.000 giờ



**Downlight thường góc chiếu 100° - CRI: Ra80**  
Công suất 5,5W - 220V, Ø100/ H80  
**HH-LD40501K19** - 345lm - Ánh sáng vàng 2.700K  
**HH-LD20501K19** - 393lm - Ánh sáng trắng 6.500K

**540.000**

Công suất 8,6W - 220V, Ø100/ H80  
**HH - LD40701K19** - 550lm - Ánh sáng vàng 2.700K  
**HH - LD20701K19** - 622lm - Ánh sáng trắng 6.500K

**699.000**



**Downlight LED góc chiếu hẹp [Góc chiếu 24°] - CRI: Ra80**  
Công suất 5,5W - 220V, Ø100/ H80  
**HH - LD70501K19** - 310lm - Ánh sáng vàng 2.700K  
**HH - LD50501K19** - 325lm - Ánh sáng trắng 6.500K

**760.000**

Công suất 8,6W - 220V, Ø100/ H80  
**HH - LD70701K19** - 510lm - Ánh sáng vàng 2.700K  
**HH - LD50701K19** - 540lm - Ánh sáng trắng 6.500K

**950.000**

### Downlight LED Panel Đổi Màu-CRI: Ra70 - Tuổi thọ 30.000 giờ

Lắp tối đa 4 đèn trên 1 công tắc (line đèn)  
Downlight LED Panel đổi màu 7W-220V



**APA04R070** - Dạng vuông  
Ø105mm/H28 - 485lm/515lm/525lm  
Đổi màu ánh sáng 3000-4000-6000K  
Downlight Led Panel đổi màu 15W-220V

**460.000**

**APA04R150** - Dạng vuông  
Ø150mm/H28 - 1035lm/1100lm/1125lm  
Đổi màu ánh sáng 3000-4000-6000K

**730.000**

### Downlight LED Vuông - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 25.000 giờ

Công suất 5W-220V, Ø95mm/H55  
**ADL12R053** - 300lm - Ánh sáng vàng 3000K  
**ADL12R057** - 360lm - Ánh sáng trắng 6500K

**200.000**



Công suất 10W-220V, Ø95mm/H55  
**ADL12R103** - 560lm - Ánh sáng vàng 3000K  
**ADL12R107** - 650lm - Ánh sáng trắng 6500K

**260.000**

Công suất 15W-220V, Ø176mm/H70  
**ADL12R153** - 1000lm - Ánh sáng vàng 3000K  
**ADL12R157** - 1200lm - Ánh sáng trắng 6500K

**340.000**

Công suất 20W-220V, Ø200mm/H70  
**ADL12R203** - 1400lm - Ánh sáng vàng 3000K  
**ADL12R207** - 1600lm - Ánh sáng trắng 6500K

**380.000**

## LED DOWNLIGHT GLOBAL SERIES

### Downlight LED tròn - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15.000 giờ

Công suất 5W - 220V, Ø95mm/H68  
**NNP71249** - 400lm - Ánh sáng vàng 3000K  
**NNP71259** - 450lm - Ánh sáng trắng 6500K

**205.000**



Công suất 8W - 220V, Ø95mm/H68  
**NNP72249** - 640lm - Ánh sáng vàng 3000K  
**NNP72259** - 720lm - Ánh sáng trắng 6500K

**235.000**

Công suất 12W - 220V, Ø125mm/H78  
**NNP73349** - 960lm - Ánh sáng vàng 3000K  
**NNP73359** - 1080lm - Ánh sáng trắng 6500K

**320.000**

## DOWNLIGHT ALPHA SERIES, CHÓA NHÔM

Công suất 5,5W - 220V, Ø100/H80, CRI: Ra80  
**NNP712731** - 415lm - Ánh sáng vàng 2.700K  
**NNP712631** - 435lm - Ánh sáng trắng 6.500K

**540.000**



Công suất 8,5W - 220V, Ø100/H80, CRI: Ra80  
**NNP722731** - 705lm - Ánh sáng vàng 2.700K  
**NNP722631** - 735lm - Ánh sáng trắng 6.500K

**699.000**

**Down Light LED vuông - CRI: Ra80**  
Công suất 5.5W - 220V, Ø100/ H80  
**HH - LD40507K19** - 345lm - Ánh sáng vàng 2.700K  
**HH - LD20507K19** - 364lm - Ánh sáng trắng 6.500K

**830.000**



Công suất 8.6W - 220V, Ø100/ H80  
**HH - LD40707K19** - 550lm - Ánh sáng vàng 2.700K  
**HH - LD20707K19** - 585lm - Ánh sáng trắng 6.500K

**999.000**

**Down Light LED chống ẩm - IP43 - CRI: Ra80**  
Công suất 5,5W - 220V, Ø100/ H80  
**HH - LD40508K19** - 345lm - Ánh sáng vàng 2.700K  
**HH - LD20508K19** - 364lm - Ánh sáng trắng 6.500K

**760.000**



Công suất 8,6W - 220V, Ø100/ H80  
**HH - LD40708K19** - 550lm - Ánh sáng vàng 2.700K  
**HH - LD20708K19** - 585lm - Ánh sáng trắng 6.500K

**960.000**

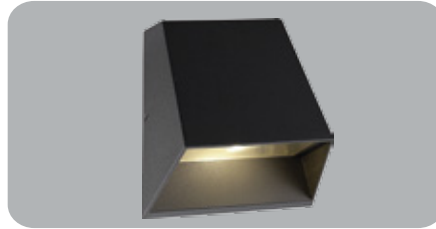


ĐÈN TRANG TRÍ NGOÀI TRỜI LED - IP54



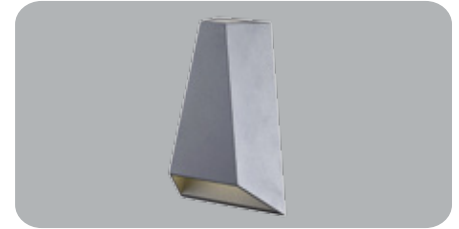
**NBL2891** - Đèn gắn tường ngoài trời LED  
158lm - Ánh sáng vàng 3000K  
Công suất 5W  
Dài 82mm x cao 82mm x rộng 59mm  
Chất liệu : nhôm

715.000



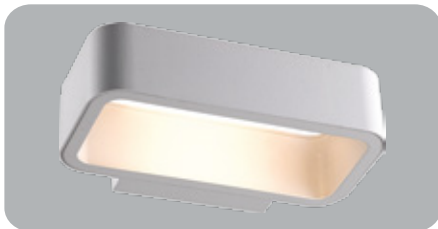
**NBL2691** - Đèn gắn tường ngoài trời LED  
389lm- Ánh sáng vàng 3000K  
Công suất 7W  
Dài 63mm x cao 125mm x rộng 125mm  
Chất liệu : nhôm

875.000



**NBL2553** - Đèn gắn tường ngoài trời LED  
160lm - Ánh sáng vàng 3000K  
Công suất 9W  
Dài 109mm x cao 173mm x rộng 63mm  
Chất liệu : nhôm

955.000



**NBL2721** - Đèn gắn tường ngoài trời LED  
448lm - Ánh sáng vàng 3000K  
Công suất 7W  
Dài 220mm x cao 55mm x rộng 130mm  
Chất liệu : nhôm

1.315.000



**NBL5705** - Đèn gắn tường ngoài trời LED  
662lm- Ánh sáng vàng 3000K  
Công suất 17.6W  
Dài 110mm x cao 250mm x rộng 103mm  
Chất liệu : nhôm

1.195.000



**NBB1466** - Đèn gắn tường ngoài trời dùng bóng  
Ánh sáng vàng 3000K  
Dùng bóng đuôi E27, Max 15W  
Dài 140mm x cao 290mm x rộng 160mm  
Chất liệu : nhôm và thủy tinh  
Giá không bao gồm bóng

1.255.000



**NBL1463** - Đèn gắn tường ngoài trời dùng bóng  
Ánh sáng vàng 3000K  
Dùng bóng đuôi E27, Max 15W  
Dài 140mm x cao 350mm x rộng 140mm  
Chất liệu : nhôm và thủy tinh  
Giá không bao gồm bóng

1.435.000



**NSL1121A** - Đèn LED gắn âm tường chiếu chân  
67lm - Ánh sáng vàng 3000K  
Công suất 3.6W  
Dài 125mm x cao 125mm x rộng 140mm  
Kích thước lỗ khoét: 100x65x57mm  
Chất liệu : nhôm

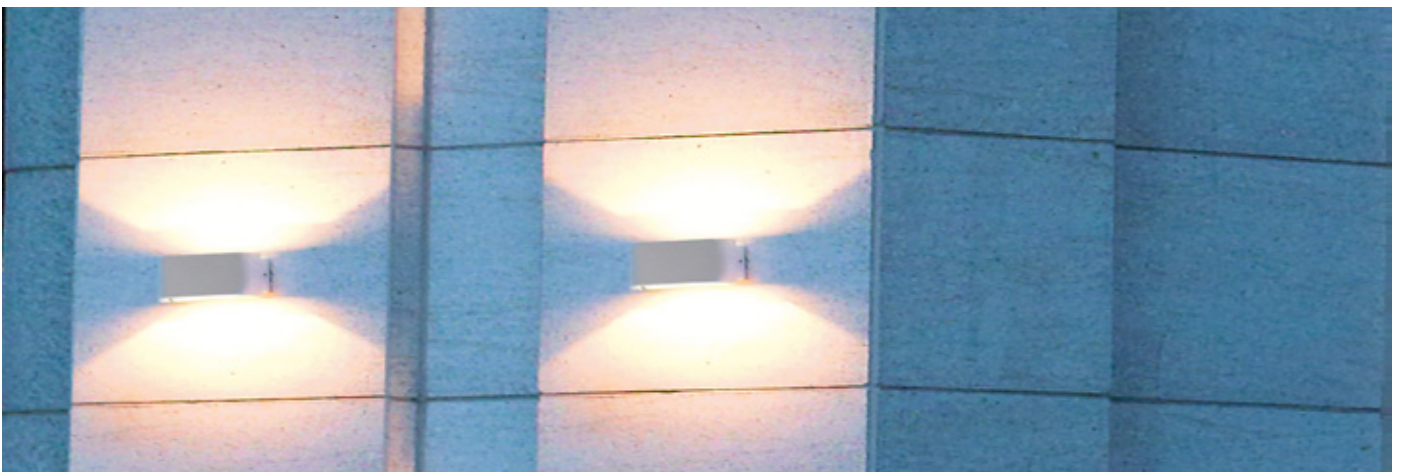
775.000



**NGL8434** - Đèn sân vườn LED  
461lm - Ánh sáng vàng 3000K  
Công suất 14.62W  
Dài 148mm x cao 650mm x rộng 108mm  
Chất liệu : nhôm

1.735.000

ĐÈN TRANG TRÍ NGOÀI TRỜI LED 



LED DOWNLIGHT

NEW

Đèn LED Downlight-CRI: Ra80 - Tuổi thọ 25.000 giờ

**Công suất 5W - 220V**  
**Kích thước:** Ø68mm/H:57.5mm  
**NDL053** - 430lm - Ánh sáng vàng 3000K  
**NDL054** - 460lm - Ánh sáng trung tính 4000k  
**NDL056** - 460lm - Ánh sáng trắng 6500K

130.000

**Công suất 8W - 220V**  
**Kích thước:** Ø90mm/H:58.6mm  
**NDL083** - 730lm - Ánh sáng vàng 3000K  
**NDL084** - 780lm - Ánh sáng trung tính 4000k  
**NDL086** - 780lm - Ánh sáng trắng 6500K

155.000



**Công suất 12W - 220V**  
**Kích thước:** Ø120mm/H:65.8mm  
**NDL123** - 1120lm - Ánh sáng vàng 3000K  
**NDL124** - 1200lm - Ánh sáng trung tính 4000k  
**NDL126** - 1200lm - Ánh sáng trắng 6500K

210.000

**Công suất 14W - 220V**  
**Kích thước:** Ø120mm/H:65.8mm  
**NDL143** - 1300lm - Ánh sáng vàng 3000K  
**NDL144** - 1400lm - Ánh sáng trung tính 4000k  
**NDL146** - 1400lm - Ánh sáng trắng 6500K

220.000

Đèn LED Downlight đổi màu siêu mỏng  
 CRI: Ra80 - Tuổi thọ 25.000 giờ

**NSD09C**  
 Công suất 9W - 220V  
**Kích thước:** Ø135mm/H:30mm  
 540lm - 640lm  
 Đổi màu ánh sáng 3000k - 4000k - 6500k

230.000



**NSD12C**  
 Công suất 12W - 220V  
**Kích thước:** Ø160mm/H:30mm  
 720lm - 840lm  
 Đổi màu ánh sáng 3000k - 4000k - 6500k

295.000

Đèn LED Downlight siêu mỏng  
 CRI: Ra80 - Tuổi thọ 25.000 giờ

**Công suất 6W - 220V**  
**Kích thước:** Ø110mm/H:30mm  
**NSD063** - 420lm - Ánh sáng vàng 3000K  
**NSD064** - 420lm - Ánh sáng trung tính 4000k  
**NSD066** - 420lm - Ánh sáng trắng 6500K

115.000



**Công suất 9W - 220V**  
**Kích thước:** Ø135mm/H:30mm  
**NSD093** - 640lm - Ánh sáng vàng 3000K  
**NSD094** - 640lm - Ánh sáng trung tính 4000k  
**NSD096** - 640lm - Ánh sáng trắng 6500K

135.000

**Công suất 12W - 220V**  
**Kích thước:** Ø160mm/H:30mm  
**NSD123** - 840lm - Ánh sáng vàng 3000K  
**NSD124** - 840lm - Ánh sáng trung tính 4000k  
**NSD126** - 840lm - Ánh sáng trắng 6500K

185.000

ĐÈN NHÀ XỬNG - IP 65

NEW



**NHB0906**  
 10,800lm - Ánh sáng trung tính 5000K  
 Công suất 90W  
 PF 0.9  
 Đường kính 340mm x Cao 112mm  
 Trọng lượng: 9kg

4.200.000



**NHB1206**  
 14,400lm - Ánh sáng trung tính 5000K  
 Công suất 120W  
 PF 0.9  
 Đường kính 340mm x Cao 112mm  
 Trọng lượng: 9kg

4.650.000

ĐÈN LED T8 - Tuổi thọ 15.000 giờ

NEW



**Bóng LED Tube T8**  
**Công suất 9W - 220V**  
**NT8T093**  
 800lm / dài 0.6m - Ánh sáng vàng 3000K  
**NT8T096**  
 800lm / dài 0.6m - Ánh sáng trắng 6500K

57.000



**Bóng LED Tube T8**  
**Công suất 18W - 220V**  
**NT8T183**  
 1600lm / dài 1.2m - Ánh sáng vàng 3000K  
**NT8T186**  
 1600lm / dài 1.2m - Ánh sáng trắng 6500K

84.000



**Máng siêu mỏng LED Tube T8**  
**Công suất 9W - 220V**  
**NT8F09**  
 dài 0.6m  
 Không bao gồm bóng

49.000



**Máng siêu mỏng LED Tube T8**  
**Công suất 18W - 220V**  
**NT8F18**  
 dài 1.2m  
 Không bao gồm bóng

64.000

**nanoco** BĂNG KEO ĐIỆN

**Băng keo cách điện PVC**  
PVC insulating tape

Xuất xứ: Taiwan



FKPT10	10YDS	60.000/cây
FKPT20	20YDS	107.000/cây

Đóng gói 10 cuộn/ cây, 200 cuộn/ thùng

**Băng keo cách điện PVC**  
PVC insulating tape

Xuất xứ: PRC



FKPC9	9YDS	44.000/cây
FKPC10	10YDS	49.000/cây
FKPC18	18YDS	85.000/cây
FKPC20	20YDS	94.000/cây

Đóng gói 10 cuộn/ cây, 200 cuộn/ thùng



**nanoco** MÁNG ĐÈN BATTEN - Không kèm bóng



**Máng đèn Batten đơn 1,2m**  
**NLA41M** 1227 x 55 x 80mm  
Đóng gói 8 cái/ thùng

195.000



**Máng đèn Batten đôi 1,2m**  
**NLA42M** 1227 x 100 x 85mm  
Đóng gói 8 cái/ thùng

295.000

**nanoco** BÓNG ĐÈN HUỖNH QUANG T5



**F14T5-V** (Ánh sáng vàng 2700K)  
Công suất 14W/ 220-240V  
Đường kính 16mm/ Dài 563mm  
**F14T5-T** (Ánh sáng trắng 6500K)  
Công suất 14W/ 220-240V  
Đường kính 16mm/ Dài 563mm

36.000



**F28T5-V** (Ánh sáng vàng 2700K)  
Công suất 28W/ 220-240V  
Đường kính 16mm/ Dài 1163mm

49.000

**nanoco** MÁNG ĐÈN CHỐNG THẨM - IP65



SỬ DỤNG BALLAST ĐIỆN TỬ \* Đã bao gồm ballast

**FS7136CE** Loại 1 bóng 1,2m (1 x 36W)  
1270 x 98 x 102mm  
Đóng gói 1 cái/ hộp, 6 cái/ thùng

530.000

**FS7118CE** Loại 1 bóng 0,6m (1 x 18W)  
665 x 98 x 102mm  
Đóng gói 1 cái/ hộp, 10 cái/ thùng

370.000

**FS7236CE** Loại 2 bóng 1,2m (2 x 36W)  
1270 x 155 x 102mm  
Đóng gói 1 cái/ hộp, 4 cái/ thùng

770.000

**FS7218CE** Loại 2 bóng 0,6m (2 x 18W)  
665 x 155 x 102mm  
Đóng gói 1 cái/ hộp, 8 cái/ thùng

530.000

**Nano** MÁNG ĐÈN SIÊU MỎNG - Không kèm bóng



Máng đèn đôi 1,2m



Máng đèn đơn 0,6m

Máng đèn đơn 1,2m

**FLB-420BB/00/WW**  
Sử dụng ballast FSM36-1  
Đóng gói 10 cái/ thùng

335.000

**FLB-210B/0/W**  
Sử dụng ballast FSM18-1  
Đóng gói 10 cái/ thùng

170.000

**FLB-410B/0/W**  
Sử dụng ballast FSM36-1  
Đóng gói 10 cái/ thùng

195.000

**FLC-420B**  
Sử dụng ballast FSM36-2  
Đóng gói 10 cái/ thùng

240.000

**FLC-210B**  
Sử dụng ballast FSM18-2  
Đóng gói 10 cái/ thùng

135.000

**FLC-410B**  
Sử dụng ballast FSM36-2  
Đóng gói 10 cái/ thùng

155.000

**FLD-420B**  
Sử dụng ballast điện tử  
Đóng gói 10 cái/ thùng

240.000

**FLD-210B**  
Sử dụng ballast điện tử  
Đóng gói 10 cái/ thùng


135.000

**FLD-410B**  
Sử dụng ballast điện tử  
Đóng gói 10 cái/ thùng

155.000


**MẶT VÀ ĐAI SẮT DÙNG CHO HB, BJJ**

**FS80**  
Đai sắt dùng cho HB  
Frame for HB  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng




**15.500**

**FHB9801**  
Hộp nổi dùng cho HB  
Mounting surface plate for HB  
Đóng gói 20 cái/ hộp, 100 cái/ cây




**8.000**

**FB500**  
Hộp cho cầu dao tổng và cầu dao chống dòng rò  
Distribution Panel for HB, BJJ, BJS, MCCB  
(180 x 110 x 50)  
Đóng gói 1 cái/ hộp, 10 cái/ bộ




**125.000**

**FBD401**  
Hộp phân phối 4 nhánh cho cầu dao tép  
Distribution Panel for MCD  
(180 x 110 x 50)  
Đóng gói 10 cái/ hộp



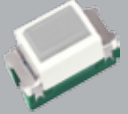
**125.000**

**NCS7001**  
Công tắc thẻ  
Card Switch -20A - 250V  
Đóng gói 1 cái/hộp, 10 cái/thùng.



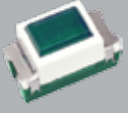
**800.000**

**FXF302WW - Nano - Full** (Đóng gói 10 cái/ hộp, 180 cái/ thùng)  
**FXW302W - Wide** (Đóng gói 10 cái/ hộp, 160 cái/ thùng)  
Đèn báo màu trắng  
Pilot lamp, white 220VAC



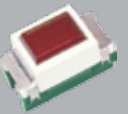
**18.000**

**FXF302GW - Nano - Full** (Đóng gói 10 cái/ hộp, 180 cái/ thùng)  
**FXW302G - Wide** (Đóng gói 10 cái/ hộp, 160 cái/ thùng)  
Đèn báo màu xanh  
Pilot lamp, green 220VAC



**18.000**

**FXF302RW - Nano - Full** (Đóng gói 10 cái/ hộp, 180 cái/ thùng)  
**FXW302R - Wide** (Đóng gói 10 cái/ hộp, 160 cái/ thùng)  
Đèn báo màu đỏ  
Pilot lamp, red 220VAC




**18.000**

**FDF603FW / FDL603FW - Full**  
**FDF603W / FDL603W - Wide**  
Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt/ độ sáng đèn  
Dimmer for fan/ lamp  
220VAC - 700W  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng




**63.500**

**FDL903FW - Full**  
**FDL903W - Wide**  
Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn  
Dimmer for incandescent lamp  
220VAC - 1000W  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng



**70.000**


**FF101FW - Full**  
**FF101W - Wide**  
Cầu chì - Fuse  
220VAC - 10A  
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng



**16.800**

**PHÍCH CẮM MEIKOSHA**


**ME2592W**  
Phích cắm 3 chấu  
Grounding plug  
125V - 15A  
Đóng gói 10 cái/ hộp



**87.000**


**TỦ ĐIỆN**

**FDP102** Tủ điện vỏ kim loại chứa 2 module  
**FDP103** Tủ điện vỏ kim loại chứa 3 module  
**FDP104** Tủ điện vỏ kim loại chứa 4 module  
(200 x 125 x 67)




**145.000**

**FDP106**  
Tủ điện vỏ kim loại chứa 6 module  
(200 x 200 x 67)




**220.000**

**FDP109**  
Tủ điện vỏ kim loại chứa 9 module  
(200 x 270 x 67)




**300.000**

**FDP113**  
Tủ điện vỏ kim loại chứa 13 module  
(200 x 338 x 67)




**380.000**

**FDP118**  
Tủ điện vỏ kim loại chứa 18 module  
(388 x 290 x 67)



**655.000**

**FDP124**  
Tủ điện vỏ kim loại chứa 24 module  
(410 x 327 x 67)




**880.000**

**FDP126**  
Tủ điện vỏ kim loại chứa 26 module  
(381 x 340 x 67)



**1.050.000**

**FBD601**  
Hộp phân phối 4 - 6 nhánh cho cầu dao tép  
Distribution panel for MCD  
(160 x 200 x 65)



**260.000**

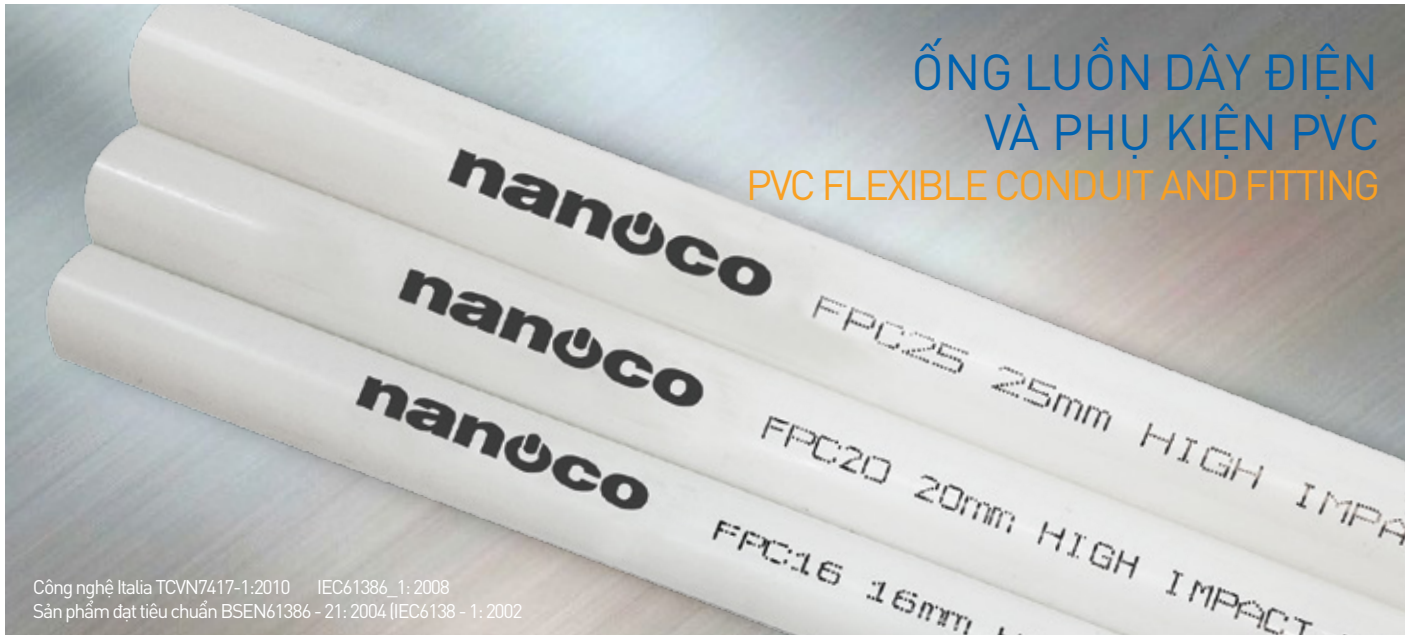
**FBD801**  
Hộp phân phối 8 - 12 nhánh cho cầu dao tép  
(160 x 295 x 65)



**440.000**



	<p><b>FB7842H</b> Mặt góc vuông dùng cho 1 CB (Aptomat) &amp; 2 thiết bị 2 gangs - plate for 1 HB &amp; 2 devices Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng</p>	<b>30.000</b>		<p><b>NA105</b> Để âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS Wiring box - BS Standard Đóng gói 100 cái/ thùng</p>	<b>6.000</b>
	<p><b>FB7843H</b> Mặt góc vuông dùng cho 1 CB (Aptomat) &amp; 3 thiết bị 2 gangs - plate for 1 HB &amp; 3 devices Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng</p>	<b>30.000</b>		<p><b>NA105-N</b> Nắp để âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS Wiring box - BS Standard Đóng gói 100 cái/ thùng</p>	<b>3.000</b>
	<p><b>FBD101W</b> Mặt dùng cho 1 CB tép Plate for 1p MCB Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng</p>	<b>15.500</b>		<p><b>NA102 / FPCA102</b> (Đóng gói 60 cái/ thùng) Hộp âm đôi Wiring box - 2 gang <b>NPCA104</b> (Không vít) (Đóng gói 50 cái/ thùng) Hộp âm đôi dùng 2 mặt đơn (Wiring box - 131x106x42.5)</p>	<b>14.000</b>
	<p><b>NPA10050V</b> (Đóng gói 30 cái/thùng) Hộp nối dây 100x100x50 Wiring box 100x100x50</p>	<b>20.000</b>		<p><b>FN101M</b> Hộp nổi đơn Surface box Đóng gói 100 cái/ thùng</p>	<b>10.500</b>
	<p><b>NPA12050V</b> (Đóng gói 30 cái/thùng) Hộp nối dây 120x120x50 Wiring box 120x120x50</p>	<b>24.000</b>		<p><b>FN102M</b> Hộp nổi đôi Duplex surface box Đóng gói 60 cái/ thùng</p>	<b>16.000</b>
	<p><b>NPA15050V / FPCA106</b> Hộp nối dây 150x150x50 Wiring box 150x150x50 Đóng gói 20 cái/ thùng</p>	<b>35.000</b>		<p><b>FN101RM</b> Hộp nổi đơn (Dùng cho loại mặt có thiết kế bo tròn) Surface box Đóng gói 20 cái/ hộp, 100 cái/cây</p>	<b>10.000</b>
	<p><b>NPA20065V</b> (Đóng gói 10 cái/thùng) Hộp nối dây 200 x 200 x 65 Wiring box 200 x 200 x 65</p>	<b>62.000</b>		<p><b>FN102RM</b> Hộp nổi đôi (Dùng cho loại mặt có thiết kế bo tròn) Duplex surface box Đóng gói 10 cái/ hộp, 50 cái/cây</p>	<b>15.000</b>
	<p><b>NPA103V / FPCA103</b> Hộp nối dây tròn Round junction box Đóng gói 60 cái/ thùng</p>	<b>10.000</b>		<p><b>WB9601CW</b> Nắp dây dùng cho hộp âm nhựa (có kèm vít) Wiring box lid - 1 gang Đóng gói 10 cái/ hộp, 500 cái/ thùng</p>	<b>6.000</b>
	<p><b>NPCA101</b> (Có vít) Hộp âm nhựa trắng, đơn Wiring box - 1 gang / Đóng gói 100 cái/ thùng</p>	<b>6.200</b>		<p><b>WB9602CW</b> Nắp dây dùng cho hộp âm nhựa (có kèm vít) Wiring box lid - 2 gangs Đóng gói 10 cái/ hộp, 400 cái/ thùng</p>	<b>8.000</b>
	<p><b>FBD200 / NDB200</b> Hộp âm cho CB tép Wiring box for MCB Đóng gói 20 cái/ hộp, 100 cái/ cây</p>	<b>21.000</b>		<p><b>FT901W</b> Mặt kín đôi Double cover plate (white) Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng</p>	<b>30.000</b>



ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN VÀ PHỤ KIỆN PVC  
PVC FLEXIBLE CONDUIT AND FITTING

Công nghệ Italia TCVN7417-1:2010 IEC61386\_1:2008  
Sản phẩm đạt tiêu chuẩn BSEN61386 - 21:2004 (IEC6138 - 1:2002)

**Ống luồn dây điện dạng thẳng**

Mã số	Đường kính Ø (mm)	Độ dày (mm)	Giá
FPC16L	Ống luồn dây điện, Ø16, dài 2,92m, 320N, đóng gói 50 ống/bó	0,9+ -0,1	17.000
FPC20L	Ống luồn dây điện, Ø20, dài 2,92m, 320N, đóng gói 50 ống/bó	1,1+ -0,1	22.000
FPC25L	Ống luồn dây điện, Ø25, dài 2,92m, 320N, đóng gói 25 ống/bó	1,3+ -0,1	33.500
FPC32L	Ống luồn dây điện, Ø32, dài 2,92m, 320N, đóng gói 20 ống/bó	1,6+ -0,1	52.000
FPC16	Ống luồn dây điện, Ø16, dài 2,92m, 750N, đóng gói 50 ống/ bó	1,4+ -0,1	19.000
FPC20	Ống luồn dây điện, Ø20, dài 2,92m, 750N, đóng gói 50 ống/ bó	1,45+ -0,1	25.000
FPC25	Ống luồn dây điện, Ø25, dài 2,92m, 750N, đóng gói 25 ống/ bó	1,6+ -0,1	37.000
FPC32	Ống luồn dây điện, Ø32, dài 2,92m, 750N, đóng gói 20 ống/ bó	1,9+ -0,1	59.000
FPC16H	Ống luồn dây điện Heavy, Ø16, 2,92m, 1250N, đóng gói 50 ống/ bó	1,6+ -0,1	25.000
FPC20H	Ống luồn dây điện Heavy, Ø20, 2,92m, 1250N, đóng gói 50 ống/ bó	1,9+ -0,1	33.000
FPC25H	Ống luồn dây điện Heavy, Ø25, 2,92m, 1250N, đóng gói 25 ống/ bó	2,0+ -0,1	47.000
FPC32H	Ống luồn dây điện Heavy, Ø32, 2,92m, 1250N, đóng gói 20 ống/ bó	2,2+ -0,1	95.000
FPC40H	Ống luồn dây điện Heavy, Ø40, 2,92m, 1250N, đóng gói 10 ống/ bó	2,4+ -0,1	125.000
FPC50H	Ống luồn dây điện Heavy, Ø50, 2,92m, 1250N, đóng gói 10 ống/ bó	2,7+ -0,1	165.000

**Khớp nối trơn**

Mã số	Đường kính Ø (mm)	Giá
NPA0116	Khớp nối trơn Ø16, đóng gói 100 cái/ bao 2000 cái/thùng	800
NPA0120	Khớp nối trơn Ø20, đóng gói 200 cái/ thùng	1.100
NPA0125	Khớp nối trơn Ø25, đóng gói 100 cái/ thùng	1.800
NPA0132	Khớp nối trơn Ø32, đóng gói 25 cái/ bao 250 cái/ thùng	3.300
FPA0140	Khớp nối trơn Ø40, đóng gói 20 cái/ bao	6.600
FPA0150	Khớp nối trơn Ø50, đóng gói 20 cái/ bao	8.800

**Đầu và khớp nối ren**

Mã số	Đường kính Ø (mm)	Giá
NPA02162	Đầu và khớp nối răng Ø16, Đóng gói 100 cái/ bao, 1200 cái/ thùng	2.500
NPA02202	Đầu và khớp nối răng Ø20, Đóng gói 100 cái/ bao, 1000 cái/ thùng	2.800
NPA02252	Đầu và khớp nối răng Ø25, Đóng gói 50 cái/ bao, 500 cái/ thùng	3.100
NPA02322	Đầu và khớp nối răng Ø32, Đóng gói 25 cái/ bao, 250 cái/ thùng	5.000

**Ống luồn dây điện dạng xoắn**

"Ống luồn dây PVC chống cháy, chống đập  
PVC flexible resist fire - resist broken"

	FRG16W	16mm (50m/cuộn)	140.000
	FRG20W	20mm (50m/cuộn)	180.000
	FRG25WS	25mm (40m/cuộn)	200.000
	FRG32WH	32mm (25m/cuộn)	250.000
	FRG16G	16mm (50m/cuộn)	180.000
	FRG20G	20mm (50m/cuộn)	240.000
	FRG25GS	25mm (40m/cuộn)	265.000
	FRG32GH	32mm (25m/cuộn)	260.000

**Nắp đậy hộp nối tròn**

	Mã số	Đường kính Ø (mm)	Nắp đậy hộp nối tròn, vít Đóng gói 50 cái/ bao, 1500 cái/ thùng	1.700
	NPA2620			
	Mã số	Đường kính Ø (mm)	Nắp đậy hộp nối tròn dùng chung với ống mềm PVC, Ø20 Đóng gói 20 cái/ bao, 400 cái/ thùng	3.300
	NPA2720F			

**Đầu giảm**

Mã số	Đường kính Ø (mm)	Giá
FPA2016	Đầu giảm 20 - 16 đóng gói 100 cái/ bao	1.100
FPA2520	Đầu giảm 25 - 20 đóng gói 100 cái/ bao	1.900
FPA3225	Đầu giảm 32 - 25 đóng gói 50 cái/ bao	3.200
FPA4032	Đầu giảm 40 - 32 đóng gói 40 cái/ bao	6.600
FPA5040	Đầu giảm 50 - 40 đóng gói 30 cái/ bao	8.800

**T nối có nắp**



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA0420C	T nối có nắp Ø20 Đóng gói 25 cái/ bao	6.600
FPA0425C	T nối có nắp Ø25 Đóng gói 10 cái/ bao	9.900
FPA0432C	T nối có nắp Ø32 Đóng gói 10 cái/ bao	13.500

**Co nối có nắp**



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA0320C	Co có nắp Ø20 Đóng gói 50 cái/ bao	4.400
FPA0325C	Co có nắp Ø25 Đóng gói 40 cái/ bao	7.200
FPA0332C	Co có nắp Ø32 Đóng gói 20 cái/ bao	11.000

**Đầu nối ống mềm PVC**



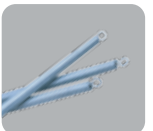
Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FRGA116	Đầu nối ống mềm PVC Ø16, Đóng gói 100 cái/ thùng	9.000
FRGA120	Đầu nối ống mềm PVC Ø20 Đóng gói 100 cái/ thùng	13.000
FRGA125	Đầu nối ống mềm PVC Ø25 Đóng gói 50 cái/ thùng	18.000
FRGA132	Đầu nối ống mềm PVC Ø32 Đóng gói 50 cái/ thùng	27.000

**Kẹp đỡ ống**



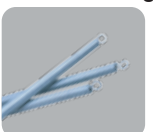
Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA1616	Kẹp giữ ống Ø16, Đóng gói 100 cái/ bao, 3000 cái/ thùng	900
NPA1620	Kẹp giữ ống Ø20, Đóng gói 100 cái/ bao, 3000 cái/ thùng	1.100
NPA1625	Kẹp giữ ống Ø25, Đóng gói 100 cái/ bao, 2000 cái/ thùng	1.900
NPA1632	Kẹp giữ ống Ø32, Đóng gói 100 cái/ bao, 1000 cái/ thùng	2.800
FPA1640	Kẹp giữ ống Ø40 Đóng gói 50 cái/ bao	3.900

**Lò xo uốn ống**



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FLXU016M	Lò xo uốn ống Ø16 - 750N	33.000
FLXU020M	Lò xo uốn ống Ø20 - 750N	57.000
FLXU025M	Lò xo uốn ống Ø25 - 750N	64.000
FLXU032M	Lò xo uốn ống Ø32 - 750N	94.000

**Lò xo uốn ống**



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FLXU016L	Lò xo uốn ống Ø16 - 320N	33.000
FLXU020L	Lò xo uốn ống Ø20 - 320N	57.000
FLXU025L	Lò xo uốn ống Ø25 - 320N	64.000
FLXU032L	Lò xo uốn ống Ø32 - 320N	94.000

**T nối**



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0416	T nối cho ống Ø16 Đóng gói 100 cái/bao - 1000 cái/ thùng	1.900
NPA0420	T nối cho ống Ø20 Đóng gói 50 cái/bao - 400 cái/ bao	3.700
NPA0425	T nối cho ống Ø25 Đóng gói 25 cái/bao - 250 cái/ bao	5.500
NPA0432	T nối cho ống Ø32 Đóng gói 15 cái/bao - 150 cái/ bao	7.700
FPA0440	T nối cho ống Ø40, đóng gói 10 cái/ bao	10.000
FPA0450	T nối cho ống Ø50, đóng gói 10 cái/ bao	12.000

**Co nối**



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0316	Co cho ống Ø16 Đóng gói 100 cái/bao - 1.500 cái/ thùng	1.400
NPA0320	Co cho ống Ø20 Đóng gói 50 cái/bao - 700 cái/ bao	2.200
NPA0325	Co cho ống Ø25 Đóng gói 40 cái/bao - 400 cái/ bao	3.300
NPA0332	Co cho ống Ø32 Đóng gói 20 cái/bao - 200 cái/ bao	5.500
FPA0340	Co cho ống Ø40 Đóng gói 20 cái/ bao	8.800
FPA0350	Co cho ống Ø50 Đóng gói 15 cái/ bao	11.600

**Hộp nối 1 ngã - Đóng gói 60 cái / thùng**



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA65161	Hộp nối tròn 1 ngã Ø16	6.600
NPA65201	Hộp nối tròn 1 ngã Ø20	7.200
NPA65251	Hộp nối tròn 1 ngã Ø25	7.700
NPA65321	Hộp nối tròn 1 ngã Ø32	10.000

**Hộp nối 2 ngã thẳng - Đóng gói 60 cái / thùng**



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA66161	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø16	6.600
NPA66201	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø20	7.200
NPA66251	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø25	7.700
NPA66321	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø32	10.000

**Hộp nối 2 ngã vuông - Đóng gói 60 cái / thùng**



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA69161	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø16	6.600
NPA69201	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø20	7.200
NPA69251	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø25	7.700
NPA69321	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø32	10.000

**Hộp nối 3 ngã - Đóng gói 60 cái / thùng**



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA67161	Hộp nối tròn 3 ngã Ø16	6.600
NPA67201	Hộp nối tròn 3 ngã Ø20	7.200
NPA67251	Hộp nối tròn 3 ngã Ø25	7.700
NPA67321	Hộp nối tròn 3 ngã Ø32	10.000

**Hộp nối 4 ngã - Đóng gói 60 cái / thùng**



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA68161	Hộp nối tròn 4 ngã Ø16	6.600
NPA68201	Hộp nối tròn 4 ngã Ø20	7.200
NPA68251	Hộp nối tròn 4 ngã Ø25	7.700
NPA68321	Hộp nối tròn 4 ngã Ø32	10.000

## INDUSTRIAL PLUGS AND SOCKETS

- Sử dụng tốt trong điều kiện nhiệt độ -25°C đến 80°C
- Sử dụng liên tục trong 1 giờ ở nhiệt độ 100°C
- Sản xuất bằng vật liệu POLYAMIDE 6: Chống cháy, chống mài mòn, chịu áp lực cao, chống phản ứng với nhiều loại hóa chất

Connection  
to the future



### Phích cắm cao su di động không kín nước Plug (Splashproof)



- F0511 - S**  
- Rubber plug (Splashproof), phích cắm bằng nhựa 2P + 'E', 16A, 250V, IP44  
- Loại không kín nước

81.000



- F0512 - S**  
- Solid rubber plug (Splashproof), phích cắm bằng nhựa 2P + 'E', 16A, 250V, IP44  
- Loại không kín nước, chịu va đập

113.000



- F1050 - 0B**  
- Socket outlet (Splashproof IP54)  
- Ổ cắm âm có nắp 2P + 'E', 16A, 250V

68.000



- F2510 - S**  
- Rubber connector (Splashproof) ổ cắm nối bằng nhựa 2P + 'E', 16A, 250V, IP20  
- Loại không kín nước

82.000



- F106 - 0**  
- Mouting box (Splashproof IP44)  
- Để nối cho ổ cắm âm không kín nước

88.000

### Ổ cắm chia 3 ngã loại không kín nước (IP44) Multiple-socket outlet (Splashproof IP44)



- F9432006**  
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.350.000



- F9432000**  
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.170.000

### Ổ cắm công nghiệp kèm công tắc loại kín nước (IP67) Switched interlocked sockets (Watertight IP67)



- F61132 - 6**  
16A - 3P - 230V - 6H - IP67  
**F61252 - 6**  
32A - 5P - 400V - 6H - IP67

1.600.000

1.790.000



- F75252-6**  
32A - 5P - 400V - 6H - IP67

3.070.000

### Phích cắm di động loại không kín nước (IP44) Plug (Splashproof IP44)



- F013 - 6ECO**  
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

70.000



- F014 - 6** | 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

100.000

- F015 - 6** | 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

112.000

- F023 - 6** | 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

125.000

- F024 - 6** | 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

132.000

- F025 - 6** | 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

165.000

### Ổ cắm nối loại không kín nước (IP44) Connector (Splashproof IP44)



- F213 - 6ECO**  
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

100.000



- F214 - 6** | 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

125.000

- F215 - 6** | 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

155.000

- F223 - 6** | 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

152.000

- F224 - 6** | 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

175.000

- F225 - 6** | 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

222.000

### Ổ cắm gắn nối loại không kín nước (IP44) Wall socket (Splashproof IP44)



- F113 - 6** | 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

135.000

- F114 - 6** | 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

165.000

- F115 - 6** | 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

175.000

- F123 - 6** | 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

187.000

- F124 - 6** | 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

197.000

- F125 - 6** | 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

211.000

### Ổ cắm gắn âm loại không kín nước dạng thẳng (IP44) Flanged socket straight (Splashproof IP44)



- F313 - 6** | 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

140.000

- F314 - 6** | 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

156.000

- F315 - 6** | 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

165.000

- F323 - 6** | 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

175.000

- F324 - 6** | 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

180.000

- F325 - 6** | 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

207.000

### Ổ cắm âm loại không kín nước dạng nghiêng (IP44) Flanged socket sloping (Splashproof IP44)



- F413 - 6** | 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

157.000

- F414 - 6** | 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

185.000



- F415 - 6** | 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

206.000

- F423 - 6** | 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

245.000




- F424 - 6** | 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

270.000



- F425 - 6** | 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

295.000




## Phích cắm di động loại kín nước (IP67) Plug (Watertight IP67)

	<b>F0132 - 6</b>	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	<b>265.000</b>
	<b>F0142 - 6</b>	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	<b>280.000</b>
	<b>F0152 - 6</b>	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	<b>300.000</b>
	<b>F0232 - 6</b>	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	<b>325.000</b>
	<b>F0242 - 6</b>	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	<b>345.000</b>
	<b>F0252 - 6</b>	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	<b>365.000</b>
	<b>F033 - 6</b>	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	<b>740.000</b>
	<b>F034 - 6</b>	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	<b>760.000</b>
	<b>F035 - 6</b>	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	<b>785.000</b>
	<b>F043 - 6</b>	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	<b>1.420.000</b>
	<b>F044 - 6</b>	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	<b>1.670.000</b>
	<b>F045 - 6</b>	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	<b>1.910.000</b>
	<b>F0822 - 10V</b>	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP67	<b>282.000</b>



## Ổ cắm nối loại kín nước (IP67) Connector (Watertight IP67)

	<b>F2132 - 6</b>	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	<b>280.000</b>
	<b>F2142 - 6</b>	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	<b>310.000</b>
	<b>F2152 - 6</b>	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	<b>390.000</b>
	<b>F2232 - 6</b>	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	<b>400.000</b>
	<b>F2242 - 6</b>	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	<b>410.000</b>
	<b>F2252 - 6</b>	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	<b>445.000</b>
	<b>F233 - 6</b>	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	<b>890.000</b>
	<b>F234 - 6</b>	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	<b>910.000</b>
	<b>F235 - 6</b>	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	<b>930.000</b>
	<b>F243 - 6</b>	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	<b>1.950.000</b>
	<b>F244 - 6</b>	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	<b>2.060.000</b>
	<b>F245 - 6</b>	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	<b>2.210.000</b>
	<b>F3822 - 10F9V</b>	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP66/67	<b>353.000</b>



## Ổ cắm gắn nối loại kín nước (IP67) Wall socket (Watertight IP67)

	<b>F1132 - 6</b>	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	<b>407.000</b>
	<b>F1142 - 6</b>	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	<b>470.000</b>
	<b>F1152 - 6</b>	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	<b>515.000</b>
	<b>F1232 - 6</b>	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	<b>550.000</b>
	<b>F1242 - 6</b>	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	<b>590.000</b>
	<b>F1252 - 6</b>	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	<b>625.000</b>
	<b>F133 - 6</b>	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	<b>980.000</b>
	<b>F134 - 6</b>	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	<b>1.080.000</b>
	<b>F135 - 6</b>	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	<b>1.180.000</b>
	<b>F143 - 6</b>	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	<b>2.400.000</b>
	<b>F144 - 6</b>	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	<b>2.550.000</b>
	<b>F145 - 6</b>	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	<b>2.700.000</b>

## Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng thẳng (IP67) Flanged socket straight (Watertight IP67)

	<b>F3132 - 6</b>	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	<b>325.000</b>
	<b>F3142 - 6</b>	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	<b>375.000</b>
	<b>F3152 - 6</b>	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	<b>400.000</b>
	<b>F3232 - 6</b>	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	<b>410.000</b>
	<b>F3242 - 6</b>	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	<b>430.000</b>
	<b>F3252 - 6</b>	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	<b>450.000</b>
	<b>F333 - 6</b>	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	<b>590.000</b>
	<b>F334 - 6</b>	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	<b>665.000</b>
	<b>F335 - 6</b>	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	<b>710.000</b>
	<b>F343 - 6</b>	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	<b>1.570.000</b>
	<b>F344 - 6</b>	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	<b>1.680.000</b>
	<b>F345 - 6</b>	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	<b>1.780.000</b>


## Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng nghiêng (IP67) Flanged socket sloping (Watertight IP67)

	<b>F4132 - 6F78</b>	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	<b>235.000</b>
	<b>F4142 - 6F78</b>	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	<b>265.000</b>
	<b>F4152 - 6F78</b>	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	<b>275.000</b>
	<b>F4232 - 6F78</b>	32A - 3P - 230V - 9H - IP67	<b>410.000</b>
	<b>F4252 - 6F78</b>	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	<b>450.000</b>
	<b>F433 - 6</b>	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	<b>620.000</b>
	<b>F433 - 6FC</b>	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	<b>620.000</b>
	<b>F434 - 6FC</b>	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	<b>665.000</b>
	<b>F435 - 6FC</b>	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	<b>710.000</b>
	<b>F443 - 6</b>	125A - 3P - 400V - 6H - IP66/67	<b>1.520.000</b>
	<b>F444 - 6</b>	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	<b>1.670.000</b>
	<b>F445 - 6</b>	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	<b>1.860.000</b>

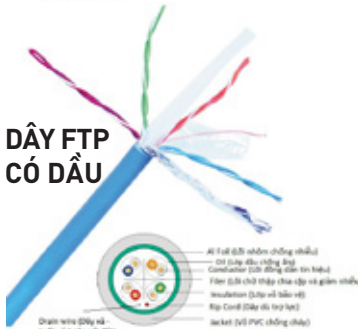
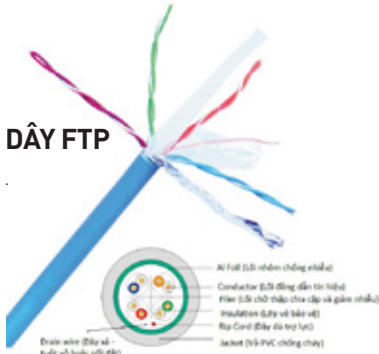
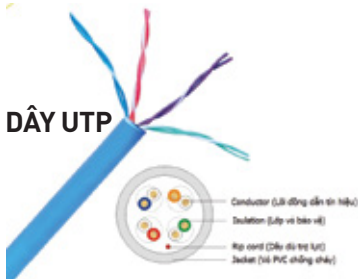
## Phích cắm, ổ cắm cho Container loại kín nước Container - Plug and Socket (Watertight IP67)

	<b>F0242 - 3V</b>	Phích cắm - Plug 32A 4P - 440V - 3H - IP67	<b>272.000</b>
	<b>F1242 - 3V</b>	Ổ cắm nối - Wall socket 32A 4P - 440V - 3H - IP67	<b>795.000</b>
	<b>F2242 - 3V</b>	Ổ cắm nối - Connector 32A 4P - 440V - 3H - IP67	<b>390.000</b>
	<b>F3242 - 3V</b>	Ổ cắm gắn âm, dạng thẳng Flanged socket straight 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	<b>460.000</b>
	<b>NDB313-232</b>	Tủ điện phân phối IP44 1 MCB 2P 32A Panasonic kết hợp 3 ổ cắm 3P 16A PCE Kích thước: 200x200x65mm * Có ráp bộ theo yêu cầu khách hàng	<b>875.000</b>

## nanoco Isolator Cầu dao kín nước - IP66

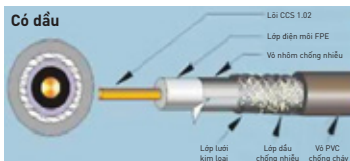
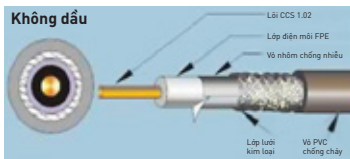
	<b>NIS220</b>	2P - 20A - 250V - IP66	<b>240.000</b>
	<b>NIS235</b>	2P - 35A - 250V - IP66	<b>250.000</b>
	<b>NIS245</b>	2P - 45A - 250V - IP66	<b>285.000</b>
	<b>NIS263</b>	2P - 63A - 250V - IP66	<b>300.000</b>
	<b>NIS320</b>	3P - 20A - 440V - IP66	<b>300.000</b>
	<b>NIS335</b>	3P - 35A - 440V - IP66	<b>310.000</b>
	<b>NIS345</b>	3P - 45A - 440V - IP66	<b>355.000</b>
	<b>NIS363</b>	3P - 63A - 440V - IP66	<b>370.000</b>
	<b>NIS420</b>	4P - 20A - 440V - IP66	<b>345.000</b>
	<b>NIS435</b>	4P - 35A - 440V - IP66	<b>360.000</b>
	<b>NIS445</b>	4P - 45A - 440V - IP66	<b>400.000</b>
	<b>NIS463</b>	4P - 63A - 440V - IP66	<b>420.000</b>

DÂY CÁP MẠNG



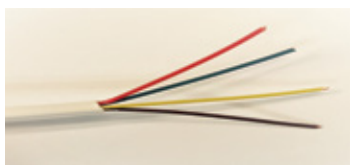
Model	Diễn giải	Conductor O.D.(mm)	Insulation O.D (mm)	Rip Cord	Jacket O.D.(mm)	Giá lẻ
NC5E-U10	Cat5e UTP 0.51mm 4 Pairs <b>10% Cu 24 AWG</b> Chiều dài: 305m/ cuộn - <b>Màu trắng</b>	0.51 CCA	PE 0.91	Yes	PVC 5.1	720.000
NC5E-F10	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu <b>10% Cu 24 AWG</b> Chiều dài: 305m/ cuộn - <b>Màu xanh/ trắng</b>	0.51 CCA	PE 1.00	Yes	PVC 5.1	920.000
NC5E-F100	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu <b>100% Cu 24 AWG</b> Chiều dài: 305 m/ cuộn - <b>Màu xanh/ trắng</b>	0.56 BC	PE 1.00	Yes	PVC 5.1	2.380.000
NC5E-F100P	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu, <b>100% Cu 24 AWG - Pass fluke test</b> Chiều dài: 305m/ cuộn - <b>Màu xám</b> <b>**Đặt hàng khi có yêu cầu</b>	0.56 BC	PE 1.00	Yes	PVC 5.1	3.250.000
<b>NEW</b> NC5E-F100 O	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu, <b>có dầu, 100% Cu 24 AWG</b> Chiều dài: 305m/ cuộn - <b>Màu xanh / trắng</b>	0.56 BC	PE 1.00	Yes	PVC 5.1	2.650.000
NC6-U10	CAT6 UTP 0.56 mm 4 Pairs <b>10% Cu 23 AWG</b> Chiều dài: 305m/ cuộn - <b>Màu trắng</b>	0.56 CCA	PE 1.02	Yes	PVC 6	980.000
NC6-F10	CAT6 FTP 0.56 mm 4 Pairs chống nhiễu <b>10% Cu 23 AWG</b> Chiều dài: 305m/ cuộn - <b>Màu xanh/ trắng</b>	0.56 CCA	PE 1.00	Yes	PVC 6.6	1.230.000
NC6-F100	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, <b>100% Cu 23 AWG</b> Chiều dài: 305m/ cuộn - <b>Màu xanh/ trắng</b>	0.56 BC	PE 1.00	Yes	PVC 6.6	3.250.000
NC6-F100P	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, <b>100% Cu 23 AWG - Pass fluke test</b> Chiều dài: 305m/cuộn - <b>Màu xám</b> <b>**Đặt hàng khi có yêu cầu</b>	0.56 BC	PE 1.00	Yes	PVC 6.6	4.000.000
<b>NEW</b> NC6-F100 O	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, <b>có dầu - 100% Cu 23 AWG</b> Chiều dài: 305m/cuộn - <b>Màu xanh / trắng</b>	0.56 BC	PE 1.00	Yes	PVC 6.6	3.500.000

DÂY CÁP ĐỒNG TRỰC

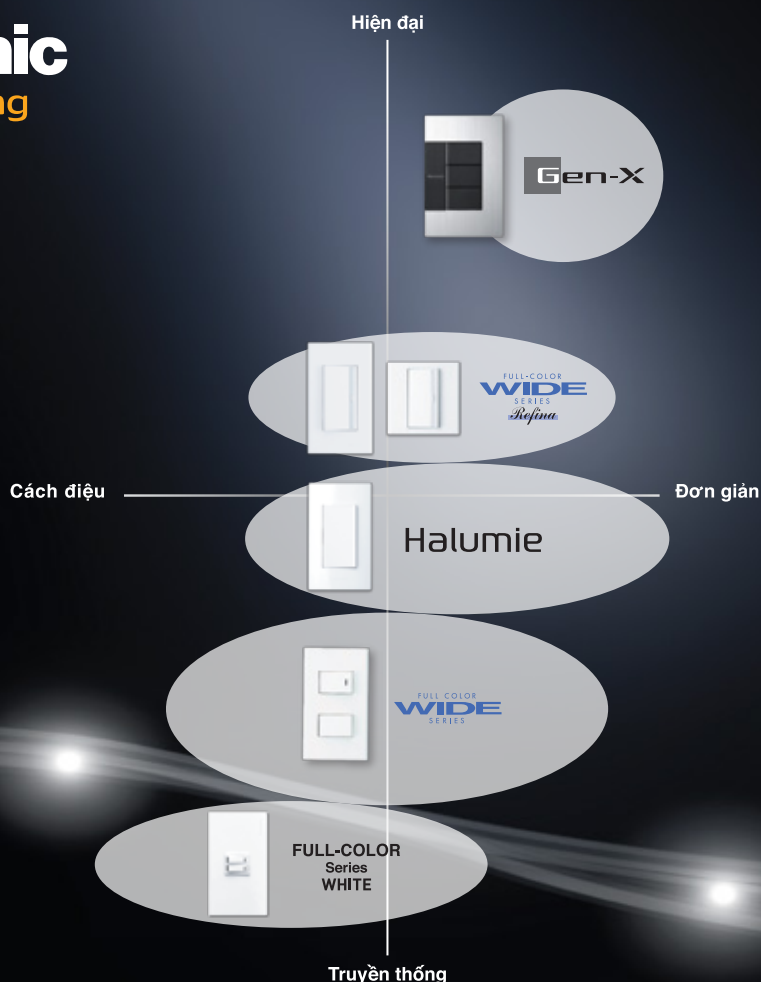


Model	Diễn giải	Conductor O.D.(mm)	Insulation O.D (mm)	Shielding	Jacket O.D. (mm)	Giá lẻ
NRG6-80	RG6 - lõi CCS 80 sợi Chiều dài: 200m/cuộn <b>Màu trắng/ đen</b>	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Aluminum foil 2. Braiding: 80x0.12mm Al-Mag	PVC 6.9	620.000
NRG6-96	RG6 - lõi CCS 96 sợi Chiều dài: 200m/ cuộn <b>Màu trắng/ đen</b>	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Aluminum foil 2. Braiding: 96x0.12mm Al-Mag	PVC 6.9	650.000
<b>NEW</b> NRG6-96 O	RG6 - lõi CCS 96 sợi - <b>có dầu</b> Chiều dài: 200m/ cuộn <b>Màu trắng/ đen</b>	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Aluminum foil 2. Braiding: 96x0.12mm Al-Mag	PVC 6.9	955.000

DÂY ĐIỆN THOẠI VÀ BẢO CHÁY



Model	Diễn giải	Conductor O.D.(mm)	Insulation O.D (mm)	Jacket O.D.(mm)	Giá lẻ
NTV405	Dây điện thoại nhiều sợi 4 core 0.5mm Chiều dài: 200m/ cuộn <b>Màu trắng/ đen</b>	0.5 CCA	PVC	PVC	380.000



## DANH SÁCH TRUNG TÂM BẢO HÀNH PANASONIC | HOTLINE: 18001593

Tên TTBH	Địa chỉ giao dịch	Tỉnh	Điện thoại
Thảo Phát	107 Nguyễn Huệ B, Mỹ Long-Long xuyên-An Giang	An Giang	(296) 3841 984
Đức Thành	613/31 Hàm Nghi, Bình Khánh 2, Bình Khánh		(296) 3847 172
Hồng Hải	Số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Tiểu An, thành phố Bắc Ninh	Bắc Ninh	(222) 3811 940
Lê Minh Đức	Số 37 Lê Thánh Tôn, Phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn	Bình Định	(256) 3814 157
Nguyễn	Số 903, Cách Mạng Tháng Tám, P. Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một	Bình Dương	(274) 3818 262
Thanh Mai	146C Mậu Thân- Cần Thơ	Cần Thơ	(292) 3833 987
Minh Dương	48 Hàm Nghi-Đà Nẵng	Đà Nẵng	(236) 3871 222
Anh Tiến	Số 13 Bà Triệu, P. Tự An, TP. Buon Ma Thuột	Đắk Lắk	(262) 3851 399
Dũng	Số 59 đường 30/4, P. Thanh Bình, TP. Biên Hoà	Đồng Nai	(251) 3825 692
Minh Hoàng	Số 16 Mạc Thái Tông, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy	Hà Nội	(24) 3846 5275
Thái Hà	Số 3 Cao Bá Quát, P. Điện Biên, Q. Ba Đình		(24)3942 9692
Thành Mai	Số 193 Quang Trung, P. Phan Bội Châu, Q. Hồng Bàng	Hải Phòng	(225) 3838 296
Thịnh Cường	314 Đại Lộ Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng		(225) 3601 693
Phong Phú	152 Vạn Kiếp, Phường 3, Quận Bình Thạnh	Hồ Chí Minh	(28) 2213 1008
Thiên Khôi	59 Trần Quốc Thảo, Phường 7, Quận 3, TP HCM		(28) 3930 9909
Võ Văn Minh	373 Nguyễn Thượng Hiền, Phường 11, Quận 10		(28) 3834 4113
Văn Trí	53A Quang Trung, P. Lộc Thọ, TP. Nha Trang	Khánh Hoà	(258) 3525 817
Mẫn	Số 69 Mạc Cửu, P. Vĩnh Thanh, TP. Rạch Giá	Kiên Giang	(297) 3872 399
Văn Mười	Số 16-C1 Tecoo Quang Trung, thành phố Vinh	Nghệ An	(238) 3544 888
Khánh Hiền	409 Hải Thượng Lãn Ông-Ninh Bình	Ninh Bình	(229) 387 1126
Quang Tuấn	Số 8 Lê Thánh Tôn, Phường 1, Tuy Hoà	Phú Yên	(257) 3826 629
Mỹ Hương	54 Tiểu La, Phường An Mỹ, Thành phố Tam Kỳ	Quảng Nam	(235) 3851 732
Phi	Số 183, Quang Trung, Phường Lê Hồng Phong, TP. Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	(255) 3824 681
Hoá	Số nhà 20, P. Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bồ Xuyên, TP. Thái Bình	Thái Bình	(227) 3834 916
Ngọc Thơm	SN 16, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Tổ 5, P. Phan Đình Phùng	Thái Nguyên	(208) 3854 070
Ngọc Quang	Số 40, đường Hạc Thành, Phường Tân Sơn, Thành Phố Thanh Hóa	Thanh Hoá	(237) 3853 782
Thiện Tài	522 đường Đồng Khởi, khóm 1, phường 9, thành phố Trà Vinh	Trà Vinh	(294) 3860 753
Đoàn Việt	Số 26, Tổ 29, Phường Tân Quang	Tuyên Quang	(207) 3815 800